

Số: /BC-UBND

Cầu Kè, ngày tháng 10 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **1. Tổng quan của huyện**

##### **1.1. Điều kiện tự nhiên:**

- Cầu Kè là một huyện thuộc tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm tỉnh lỵ 40 km; phía đông giáp huyện Càng Long; phía tây giáp sông Hậu (*huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng*); phía nam giáp huyện Tiểu Cần, phía bắc giáp huyện Trà Ôn, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Toàn huyện có 10 xã và 01 thị trấn, gồm: Châu Điền, Phong Phú, Phong Thạnh, Ninh Thới, Hoà Tân, An Phú Tân, Tam Ngãi, Hoà Ân, Thông Hoà, Thạnh Phú và thị trấn Cầu Kè. Diện tích tự nhiên 24.666,8 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp 19.824,5 ha (*đất trồng cây hàng năm 8.835,7 ha, đất trồng cây lâu năm 10.988,8 ha*); đất nuôi trồng thủy sản là 67,9 ha; đất phi nông nghiệp 4.654,1 ha; đất khác 120,3 ha. Đất sản xuất được chia thành 03 nhóm chính: Đất phù sa chiếm 76,2%, đất phèn chiếm 15,4%, đất giồng cát 8,4%.

- Dân số huyện 103.518 người, với 30.921 hộ dân, trong đó nữ 52.414 người (50,6%), nam 51.104 người (49,4%). Dân tộc Kinh 69.875 người (67,5%); Khmer 33.332 người (32,2%), dân tộc khác 311 người (0,3%). Mật độ dân số 441,9 người/km<sup>2</sup>. Dân số trong độ tuổi lao động 80.365 người (77,6%), lao động qua đào tạo 60.759 người, chiếm 75,6% lao động trong độ tuổi. Hộ nghèo 212, tỷ lệ 0,69%; cận nghèo 774, tỷ lệ 3,14% so hộ dân toàn huyện.

- Địa hình của huyện mang tính chất chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long nên tương đối bằng phẳng, trong đó khu vực giồng cát có địa hình cao đặc trung (> 1,8 m); dọc sông Hậu có địa hình khá cao ven sông và thấp dần về hướng đông (vào nội đồng). Địa hình thấp nhất (0,4 - 0,6 m) ở khu vực đông nam (*xã Phong Thạnh, Phong Phú*) và nằm rải rác ở khu vực đông bắc (*xã Thạnh Phú, Thông Hòa*). Đặc biệt có khu vực địa hình trũng thấp (< 0,4 m) ở ấp Bà My, xã Hoà Ân; ấp Cây Gòn, xã Phong Thạnh. Địa hình huyện thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm; tuy nhiên ở một số khu vực trũng thấp và gò cao thường bị ngập úng hoặc khô hạn cục bộ.

- Khí hậu chia làm 02 mùa rõ rệt, mùa nắng từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, những tháng còn lại là mùa mưa... thời tiết khá thuận lợi cho sản xuất

nông nghiệp. Địa bàn huyện chịu ảnh hưởng triều sông Hậu và hệ thống sông, rạch chính bắt nguồn từ sông Hậu như: Bông Bót, Tổng Tôn, Bà Nghệ, Tân Dinh... ngoài ra huyện còn chịu ảnh hưởng khá mạnh của triều sông Cổ Chiên thông qua kênh Trà Ngoa (xã Thạnh Phú). Hệ thống sông Cầu Kè chạy qua trung tâm Thị trấn, bề rộng trung bình 20 – 24 m, sâu 4 m, tàu thuyền có trọng tải 20 - 30 tấn lưu thông dễ dàng. Thủy triều chịu tác động chế độ bán nhật triều không đều trên biển Đông, ngày lên xuống 02 lần; mỗi tháng có 02 lần triều cường sau ngày 01, 15 âm lịch và 02 lần triều kém sau ngày 07, 23 âm lịch. Mực nước đỉnh triều hàng tháng thay đổi từ 1,0 đến 1,4 m.

Đánh giá chung, huyện Cầu Kè có khá nhiều thế mạnh về vị trí địa lý, nhất là hệ thống Quốc lộ 54 và hạ nguồn sông Hậu, thuận lợi cả về giao thông đường bộ và đường thủy; tiếp giáp với nhiều vùng trọng điểm kinh tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long như: phía bắc giáp tỉnh Vĩnh Long, xuôi dòng sông Hậu giáp các tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ; là cửa ngõ phía tây của tỉnh Trà Vinh, từ địa bàn huyện có thể mở rộng giao thương với các tỉnh trong khu vực.

## **1.2 Tình hình kinh tế - xã hội:**

Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định, bình quân giai đoạn 2016 - 2019 đạt 13,05%/năm, giai đoạn 2020 - 2023 đạt 13,61%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; so năm 2020, tỷ trọng nông nghiệp từ 42,23% giảm còn 35,03%; công nghiệp, xây dựng từ 28,26% tăng lên 31,11%; dịch vụ từ 29,51% tăng lên 33,86%. Thu nhập bình quân đạt 76,77 triệu đồng/người/năm (*tăng 17,42 triệu đồng so năm 2020*), thu ngân sách bình quân tăng 16,53%/năm, cụ thể:

**1.2.1** Nông, ngư nghiệp là thế mạnh của huyện, giá trị sản xuất 6.992 tỷ đồng, tăng 1.240 tỷ đồng (21,6%) so năm 2020. Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất quy mô lớn, mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị và an toàn theo tiêu chuẩn VietGap. Quan tâm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng giống năng suất, chất lượng cao; cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao (*cam sành, sầu riêng, măng cụt, bưởi da xanh, chôm chôm, xoài cát chu, dứa sáp...*). Thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi trang trại nhằm kiểm soát dịch bệnh. Tập trung xây dựng mỗi xã, thị trấn một sản phẩm chủ lực kết hợp chỉ dẫn địa lý, quảng bá thương hiệu. Giá trị sản xuất nông nghiệp 6.646 tỷ đồng, tăng 1.182 tỷ đồng so năm 2020.

Nuôi trồng thủy sản phát triển theo hình thức thâm canh, bán thâm canh; chủ yếu nuôi cá tra, tôm càng xanh nước ngọt..., chủ yếu ở xã Hòa Tân, Ninh Thới, An Phú Tân; ngoài ra, người dân còn tận dụng diện tích mặt nước ao, hồ, mương vườn kết hợp nuôi trên ruộng lúa. Diện tích nuôi thủy sản 816,1 ha, sản lượng 11.576 tấn. Giá trị sản xuất ngành thủy sản 330,3 tỷ đồng, tăng 57,8 tỷ đồng so năm 2020.

**1.2.2** Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển về số lượng, quy mô và ngành nghề; may mặc, cơ khí, xây dựng dân dụng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu

ngành. Chủ động mời gọi doanh nghiệp như Công ty TNHH thực phẩm An Phước, Công ty may Tera Surplus, Công ty may Phú Thành, chợ chuyên doanh nông sản ấp Trà Điều (xã Ninh Thới)...., đến đầu tư trên địa bàn, góp phần nâng cao giá trị sản xuất, giải quyết việc làm cho người dân. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 1.197 tỷ đồng, tăng 440 tỷ đồng (58,12%) so năm 2020.

**1.2.3** Thương mại, dịch vụ phát triển khá, tổng mức bán lẻ hàng hóa ngày càng tăng; hệ thống chợ huyện, chợ xã được nâng cấp, mở rộng; tổ chức nhiều phiên chợ giới thiệu, quảng bá hàng nông sản, đưa hàng Việt về nông thôn... Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ du lịch, tạo đột phá mới về kinh tế. Giá trị thương mại, dịch vụ 6.758,5 tỷ đồng, tăng 2.732,5 tỷ đồng (67,87%) so năm 2020.

**1.2.4** Tài chính – tín dụng: Thực hiện tốt các giải pháp tăng thu ngân sách, tổng thu ngân sách bình quân 734,25 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách nội địa bình quân 57,3 tỷ đồng/năm (tăng 16,53%/năm); chi ngân sách bình quân 676,5 tỷ đồng/năm. Việc phân cấp quản lý, kiểm soát chi đúng theo Luật ngân sách; tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển. Hoạt động các tổ chức tín dụng tăng về quy mô và nguồn vốn, mở rộng đối tượng cho vay, ưu tiên nguồn vốn thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

**1.2.5** Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư từ nguồn vốn Trung ương, tỉnh, huyện và xã hội hóa; tổng nguồn vốn 1.591,3 tỷ đồng, xây dựng một số công trình trọng điểm như: Dự án đường ven sông Hậu; Kè chống sạt lở Thị trấn Cầu Kè; nâng cấp, mở rộng đê bao kết hợp đường giao thông ấp Tân Quy 1, Tân Quy 2; nâng cấp mở rộng đường huyện 32, 33... Hệ thống hạ tầng giao thông, văn hóa, giáo dục, y tế, đô thị cơ bản hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống người dân. Hệ thống điện được nâng cấp, đảm bảo nhu cầu sử dụng và an toàn hành lang lưới điện; 100% xã, thị trấn phủ lưới điện quốc gia; mạng lưới viễn thông, internet phủ sóng rộng khắp. Giá trị sản xuất ngành xây dựng 5.014 tỷ đồng, tăng 1.938 tỷ đồng (63%) so năm 2020.

**1.2.6** Phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác: Toàn huyện có 200 doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động; 18 hợp tác xã, 2.082 thành viên; 278 tổ hợp tác, 3.508 thành viên. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; chương trình phục hồi kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển, tạo điều kiện cho hợp tác xã, tổ hợp tác phát huy vai trò liên doanh, liên kết, sản xuất theo chuỗi giá trị...

**1.2.7** Giáo dục và đào tạo: Tập trung huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị dạy học; 100% trường học có sân chơi, bãi tập, cây bóng mát, môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục. Toàn huyện có 44 trường, với 20.880 học sinh; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp luôn đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Chất

lượng giáo dục, đào tạo có chuyên biến tích cực; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; có 15/44 trường đạt chuẩn quốc gia và đạt kiểm định chất lượng giáo dục, tăng 04 trường so năm 2020.

**1.2.8** Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình: Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có chuyển biến tích cực; thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của tuyến y tế cơ sở, y tế dự phòng, tư vấn sức khỏe từ xa; công tác phòng, chống dịch được chủ động thực hiện, không để lây lan trên diện rộng; tiêm vắc xin đạt yêu cầu. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ngày càng hiệu quả, tỷ lệ sinh hợp lý. Công tác kiểm tra an toàn, vệ sinh thực phẩm được duy trì thường xuyên. Thực hiện tốt các chương trình hành động vì trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, văn minh.

**1.2.9** Văn hóa, thể thao và du lịch: Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đạt nhiều kết quả quan trọng. Tổ chức thành công nhiều hoạt động chào mừng ngày lễ, tết, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương. Toàn huyện có 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, 04 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh, 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh...; quan tâm quản lý, trùng tu, khai thác có hiệu quả các di tích; kết hợp du lịch sinh thái với lễ hội, văn hóa tâm linh. Nhiều hạng mục, cơ sở vật chất văn hóa được đầu tư mới, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vui chơi, giải trí. Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, số người tập luyện thường xuyên đạt trên 35%; tham gia hội thi, hội thao các cấp đạt nhiều thành tích cao.

Hoạt động du lịch có nhiều tiến bộ, chủ động kết nối, xúc tiến, quảng bá du lịch; nhiều điểm du lịch tư nhân đi vào kinh doanh có hiệu quả; Khu tưởng niệm nữ Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út (Út Tịch) được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận điểm du lịch cấp tỉnh; đã lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa Thể thao, Du lịch đưa Lễ Vu lan Thắng hội vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch văn hóa truyền thống, du lịch sinh thái, tâm linh gắn với lễ hội trái cây ngon, dịch vụ Homestay, kết nối tua, tuyến với các điểm du lịch trong tỉnh và liên vùng. Hàng năm, có trên 12.000 lượt khách đến tham quan, du lịch trên địa bàn huyện.

**1.2.10** Chính sách, xã hội: Thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu về đào tạo nghề, giải quyết việc làm; xuất khẩu lao động vượt chỉ tiêu; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,6% lao động trong độ tuổi, tăng 5,13% so năm 2020. Công tác giảm nghèo đạt nhiều kết quả quan trọng, các chính sách hỗ trợ được thực hiện tốt; hộ nghèo còn 212 hộ, tỷ lệ 0,69%; hộ cận nghèo 774 hộ, tỷ lệ 2,5%; số hộ có mức sống trung bình, thu nhập khá, giàu ngày càng tăng. Thực hiện tốt chính sách người có công, an sinh xã hội; phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh

hùng; xây dựng, sửa chữa 149 nhà tình nghĩa...; 100% hộ gia đình chính sách có mức sống ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư.

**1.3. Quốc phòng, an ninh:** Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; gắn củng cố quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, huấn luyện, diễn tập, tuyển quân, tuyển sinh đạt yêu cầu. Thực hiện tốt các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự; phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong phối hợp, hiệp đồng các ngành, các cấp và nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu phòng, chống tội phạm, giữ vững ổn định địa bàn, tạo môi trường an ninh, an toàn để đồng bộ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

**1.4** Hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở và đội ngũ đảng viên có nhiều chuyển biến quan trọng; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước được nâng lên, nhất là cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hoạt động Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị có nhiều đổi mới, sáng tạo; các phong trào thi đua yêu nước, thi đua xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao ngày càng đi vào chiều sâu, được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo đoàn viên, hội viên các đoàn thể và nhân dân trong toàn huyện.

## **2. Thuận lợi**

- Huyện Cầu Kè có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên (*đồng bằng phù sa, nước ngọt quanh năm*); vị trí địa lý (*tiếp giáp nhiều vùng kinh tế trọng điểm của khu vực*); dân số (*lực lượng lao động dồi dào, cần cù, năng động, sáng tạo*); bản sắc văn hóa dân tộc, tôn giáo đa dạng, truyền thống đoàn kết lâu đời của 03 dân tộc Kinh – Khmer – Hoa... rất thuận lợi cho việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế và du lịch sinh thái kết hợp lễ hội, tâm linh.

- Thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của huyện luôn được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự hỗ trợ hiệu quả của các sở, ngành tỉnh. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Kinh tế của huyện duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình xây dựng cơ bản; hộ nghèo, cận nghèo giảm mạnh; thu nhập bình quân đầu người tăng; hạ tầng y tế, giáo dục, thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt cơ bản đáp ứng yêu cầu người dân.

- Hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân trong huyện có sự đoàn kết, thống nhất rất cao với mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao; mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế gia đình, nâng cao thu nhập; hiến cây, hiến đất, ngày công lao động để xây dựng hạ tầng nông thôn; mọi việc đều được công khai dân chủ, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng.

### **3. Khó khăn**

- Hệ thống sông ngòi chằng chịt, nhiều cù lao chia cắt địa hình, ảnh hưởng rất lớn đến việc đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông đường bộ. Khí hậu biến đổi, triều cường, hạn hán, mặn xâm nhập... tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống người dân.

- Thực hiện mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao trong bối cảnh chịu nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19; huyện chỉ thật sự tập trung thực hiện quyết liệt các tiêu chí từ năm 2022 đến nay. Nhu cầu nguồn lực để tổ chức thực hiện rất lớn, yêu cầu Bộ tiêu chí cao, trong khi vốn ngân sách hạn chế, nguồn lực trong dân đã huy động nhiều năm cho phòng, chống dịch bệnh....

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá cao trong nền kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ. Giá vật tư đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao; giá đầu ra các mặt hàng nông sản không ổn định. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây mất an ninh, trật tự địa phương.

## **II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Văn bản của Trung ương**

(1) Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025.

(2) Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 – 2025.

(3) Quyết định số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 – 2025.

(4) Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025.

(5) Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021 – 2025.

Các văn bản khác của Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## **2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh**

(1) Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

(2) Quyết định số 1039/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (*gọi tắt Quyết định 1039/QĐ-UBND, ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

(3) Quyết định số 1306/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025 (*gọi tắt Quyết định số 1306/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

(4) Quyết định số 1416/QĐ-UBND, ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025.

(5) Quyết định số 1145/QĐ-UBND, ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành tỉnh.

## **3. Văn bản của huyện Cầu Kè**

(1) Nghị quyết số 16 - NQ/HU, ngày 22/02/2023 của Huyện ủy về xây dựng huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

(2) Quyết định số 815/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, giai đoạn 2021-2025.

(3) Quyết định số 803/QĐ-UBND, ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023.

(4) Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về xây dựng huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(5) Kế hoạch số 53/KH-BCĐ, ngày 19/5/2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cầu Kè, giai đoạn 2021 - 2025 triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Kè năm 2023.

Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam huyện về triển khai, thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao.

### **III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

##### **1.1 Cấp huyện**

- Năm 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định số 27-QĐ/HU ngày 19/8/2020 kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, có 28 thành viên, do Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn.

- Năm 2021, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định số 401-QĐ/HU, ngày 19/10/2021 kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, có 31 thành viên.

- Năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 730/QĐ-UBND, ngày 18/3/2022 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện, giai đoạn 2021 – 2025, có 31 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban (có 02 lần kiện toàn theo Quyết định số 2010/QĐ-UBND, ngày 05/8/2022; Quyết định 3148/QĐ-UBND, ngày 29/11/2022); Quyết định số 803/QĐ-UBND, ngày 20/02/2023 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, có 33 thành viên, đến nay đã 05 lần kiện toàn, bổ sung.

- UBND huyện thành lập Văn phòng nông thôn mới gồm 16 thành viên, do Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm Phó Chánh Văn phòng, thực hiện nhiệm vụ thường trực. Ban Chỉ đạo huyện tập trung chỉ đạo rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao để xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện. Tập trung huy động tối đa nguồn lực từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng và đối ứng của Nhân dân. Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, xây dựng vùng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sử dụng phân bón thông minh, giống chất lượng cao, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường, xây dựng tuyến đường “sáng - xanh - sạch - đẹp”; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.

##### **1.2 Cấp xã**

- Có 10/10 xã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021-2025, với 330 thành viên do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. 100% áp thành lập Ban Phát triển ấp, với tổng số 310 người.



- Bộ máy quản lý, thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới từ huyện đến xã hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả và năng lực từng thành viên. Ban chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành, thực hiện tốt Nghị quyết, Kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm và Quy chế hoạt động.

## **2. Công tác truyền thông và đào tạo, tập huấn**

### **2.1 Công tác truyền thông**

- Tập trung chỉ đạo hệ thống chính trị tham gia tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới với nhiều hình thức khác nhau; tạo điều kiện thuận lợi cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể và Nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Kết quả đã tuyên truyền trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên, hoạt động các đoàn thể... tổng số 3.756 cuộc, với 93.900 lượt người dự; ngoài ra còn thực hiện tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, trạm truyền thanh... thu hút hàng triệu lượt người nghe. Cấp phát 4.700 tờ rơi tuyên truyền với 02 thứ tiếng Việt và Khmer; 670 sổ tay hướng dẫn nhiệm vụ xây dựng xã, huyện nông thôn mới; vận động đến từng hộ dân xây dựng hàng rào, xóa cầu tiêu trên ao hồ, sông rạch, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường "*sáng - xanh - sạch - đẹp*". Bình quân hàng tháng, Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện phát thanh 240 tin, bài về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; các tổ chức chính trị - xã hội đã vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tập trung vận động các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và tín đồ tích cực tuyên truyền các chương trình, dự án ở cơ sở, nhất là xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, bảo vệ môi trường,... Kết quả tổ chức 3.697 cuộc, trên 75.455 lượt người dự; thực hiện trồng hoa kiểng, vệ sinh các tuyến đường chiều dài trên 357 km; vận động xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, an sinh xã hội..., góp phần cùng với địa phương thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Chú trọng vận động nguồn lực xã hội để thực hiện các công trình, dự án phúc lợi ở địa phương, giai đoạn 2020 - 2023 đã huy động 4,75 tỷ đồng xây dựng 09 cầu bê tông, 01 tuyến đường, 17 căn nhà, khám chữa bệnh miễn phí 3.000 lượt người, hỗ trợ đột xuất 27.779 phần quà cho hộ nghèo, cận nghèo... Nhờ vậy, giao thông đến nhiều vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc được thông thoáng, thuận lợi cho mua bán nông sản, đời sống người dân ngày càng cải thiện hơn.

+ Hội Nông dân huyện: Tập trung chỉ đạo, phát huy hiệu quả hoạt động của 10 câu lạc bộ "*Chung sức xây dựng nông thôn mới*", với 94 thành viên; nâng chất

15 mô hình "Nông dân tham gia bảo vệ môi trường", với 638 hội viên; tích cực vận động nông dân tham gia các loại hình kinh tế hợp tác; thành lập 07 chi hội nghề nghiệp, 239 hội viên và 493 tổ hội nghề nghiệp, 14.545 hội viên. Tuyên truyền, vận động hội viên xây dựng các tuyến đường hoa, vệ sinh môi trường, tổng số 249 cuộc, với 6.723 lượt người tham dự; thu gom và xử lý 24 tấn rác thải; phát hoang 14 tuyến đường giao thông nông thôn, chiều dài 15,8 km; chăm sóc hơn 12.000 lượt cây xanh; xây dựng, sửa chữa 62,7 km đường liên ấp; sửa chữa và xây mới 38 cây cầu; nạo vét 13,8 km kênh mương nội đồng; đóng góp hơn 450 triệu đồng, trên 11.760 ngày công lao động để xây dựng, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng nông thôn. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi có 11.571/17.958 hộ đăng ký, đạt 64,4% tổng số hộ hội viên; có 19.228 hộ hội viên đăng ký không vi phạm quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ: Xây dựng 17 tuyến đường hoa, chiều dài 20,6 km; vận động trên 1,4 tỷ đồng xây dựng cầu giao thông nông thôn, đường đal và 31 mái ấm tình thương. Tuyên truyền, xây dựng xây dựng gia đình "05 không, 03 sạch", "05 có, 03 sạch", gia đình văn hóa, nông thôn mới,... được 675 cuộc, có 15.301 lượt người tham dự. Củng cố, nâng chất 113 mô hình, câu lạc bộ, tổ nhóm với 2.477 thành viên, tiêu biểu như: Chi hội xây dựng gia đình "05 không, 03 sạch" có 14.736/16.146 hộ hội viên đạt 08 tiêu chí; có 11.120/16.146 hộ hội viên đạt tiêu chí gia đình "05 có, 03 sạch" gắn với phân loại, xử lý rác thải hộ gia đình; Ngôi nhà tái chế với mô hình "Vi phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn" thu gom, tập kết rác tái sử dụng để gây quỹ hỗ trợ; Câu lạc bộ "Phụ nữ nói không với túi nilon"; xây dựng hàng rào xanh; Câu lạc bộ "03 sạch"; Câu lạc bộ "Quản lý giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội"; mô hình "Tổ phụ nữ tiết kiệm, hùn vốn mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện"... Phối hợp, hỗ trợ 306 hội viên nghèo vay các nguồn vốn, ủy thác từ Ngân hàng chính sách xã hội, số tiền 6,6 tỷ đồng; 805 hộ hội viên phụ nữ vay trên 09 tỷ đồng xây dựng các công trình nước sạch, hố xí hợp vệ sinh..., tổng số đã giúp 5.134 hộ phụ nữ vay, nguồn vốn 153 tỷ đồng. Phối hợp Quỹ hỗ trợ Phụ nữ phát triển tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội huyện hỗ trợ vốn vay cho phụ nữ khởi nghiệp, số tiền trên 05 tỷ đồng, giải quyết hơn 280 lao động; hiện tại có 01 hợp tác xã và 03 tổ hợp tác do phụ nữ quản lý, với 37 thành viên.

+ Huyện Đoàn: Tập trung thực hiện phong trào "Tuổi trẻ Cầu Kè chung sức xây dựng nông thôn mới" theo phương châm "Mỗi thanh niên một việc tốt, mỗi cơ sở Đoàn một hoạt động thiết thực tham gia xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao", kết quả: Tuyên truyền, vận động 482 cuộc, có 12.688 lượt cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia; phát 3.890 tờ bướm, tờ rơi về xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền trên trang facebook của Huyện Đoàn 350 tin, bài. Lực lượng đoàn viên, thanh niên tham gia sửa chữa, nâng cấp 34,12 km đường đal; vận động mạnh thường quân 5,45 tỷ đồng để xây dựng 30 nhà nhân ái, 17 cầu giao thông, hệ thống

đèn đường dài 120 km, 2.046 suất quà, 273 suất học bổng, 86 chiếc xe đạp, 73 góc học tập; hỗ trợ vốn vay 1.776 đoàn viên, số tiền trên 1,5 tỷ đồng. Vận động hiến 582 đơn vị máu nhân đạo. Tổ chức các hoạt động thứ bảy tình nguyện, chủ nhật xanh, vệ sinh môi trường, thu gom rác thải các tuyến kênh nội đồng giúp khơi thông dòng chảy... 100% xã, thị trấn có công trình thanh niên tự quản sáng - xanh - sạch - đẹp.

+ Hội Cựu chiến binh huyện: Tích cực tham gia triển khai, quán triệt chủ trương xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao đến hội viên cựu chiến binh, cựu quân nhân và Nhân dân được 576 cuộc, với 17.560 lượt người dự, phát 4.500 tờ bướm, vận động 3.510 hộ đăng ký cam kết bảo vệ môi trường. Hội viên cựu chiến binh đóng góp 1.330 ngày công, 7.950 m<sup>2</sup> đất; vận động mạnh thường quân trên 1,6 tỷ đồng để xây dựng mới 06 cầu, nâng cấp 15 cầu và 49,500 km đường giao thông nông thôn. Phát huy tốt hiệu quả hoạt động 67 câu lạc bộ môi trường áp, khóm, với 1.756 thành viên; tích cực tham gia thu gom rác, phát hoang bụi rậm, khai thông dòng chảy trên 221 km đường và kênh nội đồng; trồng mới 6.300 cây, hoa trên các tuyến đường giao thông. Thực hiện phong trào cựu chiến binh giúp nhau thoát nghèo bền vững, Hội đã huy động đóng góp trên 03 tỷ đồng tiền quỹ, giúp 557 lượt hội viên mượn để phát triển kinh tế; vận động xây dựng 74 căn nhà đồng đội, số tiền 3,7 tỷ đồng... đến nay toàn huyện không còn hộ hội viên cựu chiến binh nghèo.

+ Liên đoàn Lao động huyện: Phát động và tổ chức thực hiện tốt 12 phong trào, 03 cuộc vận động thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức lao động, trong đó mô hình “*Một ngày với dân*” là đặc thù riêng của huyện, có tác động trực tiếp đến việc củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với đoàn viên công đoàn, động viên người dân tích cực tham gia các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Tổ chức tuyên truyền 924 cuộc, có 23.120 lượt người dự. Vận động đóng góp phòng, chống dịch Covid-19, các loại quỹ phòng chống thiên tai, vì người nghèo, mái ấm công đoàn và các hoạt động an sinh xã hội... số tiền 8,6 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 18 mái ấm công đoàn; tặng 9.600 phần quà, số tiền 1,92 tỷ đồng từ nguồn tài chính Công đoàn các cấp. Vận động góp vốn xoay vòng, số tiền 4,2 tỷ đồng hỗ trợ 1.420 lượt đoàn viên công đoàn mượn phát triển kinh tế gia đình; tín chấp 453 đoàn viên vay Ngân hàng số tiền trên 36,3 tỷ đồng. 100% công đoàn cơ sở xã, thị trấn đều có tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp.

## **2.2 Công tác đào tạo, tập huấn**

Phối hợp tổ chức 152 lớp tập huấn chuyên đề xây dựng nông thôn mới, có 6.080 lượt thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã và người dân dự. Triển khai lồng ghép chương trình, dự án (*chương trình 135, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án giảm nghèo, đa dạng hóa sinh kế, chương trình mỗi xã một sản phẩm*) được 47 lớp, với 1.410 lượt người dự. Qua đào tạo, tập huấn đã góp phần quan trọng nâng

cao năng lực cho đội ngũ cán bộ về xây dựng nông thôn mới; tạo sự đồng thuận, tích cực tham gia của đông đảo người dân trên địa bàn.

### **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực trong dân và vốn đầu tư của Trung ương, tỉnh để đồng bộ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao. Tổng vốn thực hiện: 1.591,26 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 242,54 tỷ đồng, chiếm 15,24%.
- Vốn tín dụng (*vay nhà ở, nước sinh hoạt, hổ xi*): 111,83 tỷ đồng, chiếm 7,03%.
- Ngân sách tỉnh: 168,49 tỷ đồng, chiếm 10,58%.
- Ngân sách huyện: 429,65 tỷ đồng, chiếm 26,99%.
- Ngân sách xã: 14,37 tỷ đồng, chiếm 0,9%.
- Vốn doanh nghiệp: 570 tỷ đồng, chiếm 35,81%.
- Vốn dân đóng góp (*hiến đất, hiến cây, ngày công lao động*): 41,036 tỷ đồng, chiếm 2.61%.
- Vốn khác: 13,341 tỷ đồng, chiếm 0,84%.

Các nguồn vốn huy động được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả cao. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện phân bổ kinh phí có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các công trình trọng điểm hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất, dân sinh như giao thông, trường học, môi trường, phát triển sản xuất... Từ khi triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao đến nay toàn huyện không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

## **IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

1. Huyện Cầu Kè được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019 theo Quyết định số 160/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

### **2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

#### **2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định**

- Toàn huyện có 10/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

- Toàn huyện có 10/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 100%.

## **2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

- Địa bàn huyện có 01 Thị trấn.

- Thị trấn Cầu Kè được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị theo Thông tư số 02/2013/TT-BVHTT, ngày 24/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Quyết định số 7568/QĐ-UBND, ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện*). Đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động chỉ đạo ngành chức năng rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg, ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh...; Thị trấn Cầu Kè đạt 09/09 tiêu chí đô thị văn minh theo chuẩn mới.

- Tỷ lệ thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%

## **3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã**

### **3.1. Về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

- Năm 2020: Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch xã nông thôn mới theo Quyết định 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020. 100% xã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai theo quy định; ban hành đầy đủ quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

- Năm 2023, các xã đã rà soát, tổ chức thực hiện Quy hoạch chi tiết xây dựng và lập quy chế điểm dân cư trung tâm xã được 10/10 xã. Cơ quan chuyên môn, UBND các xã tổ chức quản lý xây dựng đảm bảo theo quy hoạch, Cụ thể:

+ Có 10/10 xã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai theo quy định; ban hành đầy đủ quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

+ Chỉ đạo, tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư trung tâm xã 10/10 xã và huyện đã có quyết định phê duyệt.

+ Chỉ đạo 10/10 xã tổ chức lập Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của huyện và định hướng đô thị hóa theo quy hoạch tỉnh Trà Vinh, huyện đã có quyết định phê duyệt đồ án.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **3.2 Về giao thông**

**3.2.1** Năm 2020, hệ thống giao thông nông thôn của các xã có 23 tuyến đường xã, liên xã, chiều dài 86,38 km được cứng hóa 100%; đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm từ huyện đến trung tâm xã và kết nối liên thông giữa các xã, thị trấn.

Năm 2023, tổng số có 29 tuyến đường xã, liên xã, chiều dài 105,08 km, được cứng hóa tỷ lệ 100%, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết như biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh.... đúng quy định.

**3.2.2** Năm 2020, các xã có 54 tuyến đường liên ấp, chiều dài 137 km, trong đó được cứng hóa 86 km, đạt 62,8%.

Năm 2023 đầu tư, mở rộng, nâng cấp 54 tuyến đường liên ấp, dài 137,7 km, cứng hóa đạt 100%, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết như biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, cây xanh.... đúng quy định.

**3.2.3.** Năm 2020, các xã có 397 tuyến đường ngõ xóm, dài 390 km, trong đó cứng hóa 232 km đạt 59,5% đảm bảo cho Nhân dân đi lại thuận tiện, không còn đường lầy lội vào mùa mưa.

Năm 2023, xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm; các xã có 432 tuyến, dài 395,03 km, trong đó cứng hóa 361,7 km đạt 91,56%; đảm bảo sáng – xanh – sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân.

**3.2.4.** Năm 2020, các xã có 12 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 17 km được thảm nhựa 100%, đáp ứng yêu cầu sản xuất, vận chuyển hàng hóa.

Năm 2023, xây dựng mới, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng, tổng số 17 tuyến, dài 24,61 km; được thảm nhựa 23,11 km, đạt tỷ lệ 93,90%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

## **3.3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:**

**3.3.1.** Địa bàn các xã có 438 tuyến, chiều dài 577,9 km; trong đó 22 tuyến kênh cấp I, dài 89,3 km, 172 tuyến kênh cấp II, dài 259,4 km, 244 tuyến kênh nội đồng, dài 229,2 km; ngoài ra còn có 44 cống, bọng đầu mối, nhất là cống Mỹ Văn, Rạch Rum, Bông Bót và Tân Dinh, đảm bảo điều tiết nước, ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 19.824,5 ha, đạt 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Tổng kinh phí thực hiện: 18,5 tỷ đồng.

**3.3.2.** Các xã đều có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở do Ủy ban nhân dân xã phê duyệt theo Quyết định số 274/QĐ-SNN, ngày 26/7/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; đảm bảo kênh, mương, cống, bờ bao, các tuyến kênh, công trình thủy lợi được kiểm tra thường xuyên, kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình; đảm bảo kênh, rạch thông thoáng, không gây cản trở dòng chảy.

**3.3.3.** Cây trồng chủ lực trên địa bàn các xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Đối với 04 xã (*Châu Điện, Phong Thạnh, Phong Phú, Hòa An*) lúa là cây chủ lực, diện tích 6.468 ha, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như: 03 giảm 03 tăng, 01 phải 05 giảm, ướn khô xen kẽ... đạt tỷ lệ 100%; 06 xã (*An Phú Tân, Thông Hòa, Tam Ngãi, Ninh Thới, Thạnh Phú, Hòa Tân*) cây ăn trái là cây chủ lực, diện tích 6.515 ha, trong đó 4.691 ha áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như: tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt... đạt tỷ lệ 72%. Việc ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm giúp tăng năng suất cây trồng từ 10 - 30%, giảm 20 - 50% chi phí công lao động, tiết kiệm từ 20 - 40% lượng nước so tưới truyền thống.

**3.3.4.** Hàng năm, huyện xây dựng kế hoạch thực hiện thủy lợi nội đồng, kế hoạch duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình thủy lợi nhỏ. Từ năm 2020 đến nay, huyện đầu tư xây dựng 135 công trình, trong đó nạo vét 75 kênh nội đồng ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, chiều dài 78,4 km, khối lượng 209.939 m<sup>3</sup>; nâng cấp, sửa chữa 34 đoạn bờ bao bị sạt lở, chiều dài 17,5 km, khối lượng 90.467 m<sup>3</sup>; nâng cấp, sửa chữa 25 đập, bọng; xây dựng mới 06 trạm bơm điện, công suất phục vụ 1.515 ha; vận động nhân dân khắc phục 87 đoạn đê bao cục bộ, chiều dài 479 m. Phối hợp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nạo vét 21 kênh cấp II, chiều dài 30 km, khối lượng 169.630 m<sup>3</sup>, kinh phí 11,5 tỷ đồng. Hiện nay, huyện đang thi công dự án đê bao kết hợp đường ven sông Hậu, chiều dài 17 km, kinh phí 150 tỷ đồng; dự án đê bao cù lao Tân Quy, chiều dài 6,5 km, kinh phí 26 tỷ đồng, khi công trình đi vào hoạt động sẽ góp phần quan trọng ngăn triều cường và giao thương cho các xã ven sông Hậu.

**3.3.5.** Công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước các công trình thủy lợi, kiểm soát nguồn thải, giám sát chặt chẽ và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi. Tăng cường phối hợp giữa ngành chức năng, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn nước các hệ thống công trình thủy lợi. Hàng năm, UBND các xã phối hợp với phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Xí nghiệp thủy nông tổ chức kiểm tra các vi phạm lấn chiếm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi, đảm bảo không xảy ra vi phạm.

**3.3.6.** Có 100% xã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban, kiện toàn kịp thời khi có thay đổi thành viên. Xây dựng, triển khai thực hiện tốt kế hoạch và các

phương án phòng, chống thiên tai, đảm bảo phương châm 04 tại chỗ. Các xã đều được trang bị các công cụ, dụng cụ thiết yếu như máy cưa, cuốc, xẻng, đèn pin, phao cứu sinh, ống nhôm,...đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.4. Về điện**

- Năm 2020: Có 10/10 xã đạt tiêu chí điện, tổng số 296,55 km đường dây trung áp; 613,14 km đường dây hạ áp và 531 trạm biến áp, dung lượng 27.642 KVA phục vụ nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân. Hộ sử dụng điện 28.336/28.501 hộ, đạt 99,42%; hộ dân sử dụng điện thường xuyên và an toàn 28.063/28.336 hộ, đạt 99,03% tổng số hộ sử dụng điện.

- Năm 2023: Thực hiện nâng chất tiêu chí điện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện chỉ đạo ngành chuyên môn tích cực phối hợp, hỗ trợ ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng với 301,4 km đường dây trung thế, 615,8 km đường dây hạ thế; 720 trạm biến áp, tổng dung lượng 36.753 KVA. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan; hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch. Hệ thống điện phân phối (*về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ*) liên xã đáp ứng thông số kỹ thuật quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương về hệ thống lưới điện phân phối. Ngoài ra, hệ thống điện đầu tư trên địa bàn các xã phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo nguồn cung cấp điện sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội. Hộ sử dụng điện 29.333 hộ/29.346 hộ, tỷ lệ 99,95%; hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn 29.284 hộ/29.333 hộ, đạt tỷ lệ 99,83%.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.5. Giáo dục**

**3.5.1.** Địa bàn các xã có 39 trường học, giảm 03 trường tiểu học so năm 2020 do sáp nhập trường có quy mô nhỏ; trong đó: Cấp mầm non 10, tiểu học 17, trung học cơ sở 10, trung học phổ thông 02 và 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Cơ sở giáo dục ngoài công lập có 01 nhóm trẻ. Thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, huyện đã trình UBND tỉnh bổ sung 29 tỷ đồng đầu tư xây dựng trường tiểu học Hoà Ân A, tiểu học Thông Hoà A, tiểu học Hoà Ân B, tiểu học Phong Phú B. Đến nay, trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ



sở và 2/2 trường trung học phổ thông đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Ngoài ra, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; trường trung học phổ thông Tam Ngãi đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

**3.5.2.** Có 10/10 xã duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi hàng năm.

**3.5.3.** Có 10/10 xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.

**3.5.4.** Có 10/10 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

**3.5.5.** Có 10/10 Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên.

**3.5.6.** Có 10/10 xã thực hiện mô hình giáo dục thể chất nhằm rèn luyện thân thể, tăng cường thể lực, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống, tạo không khí vui tươi, hứng thú cho học sinh, góp phần phát hiện, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao.

**\* Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.6 Về văn hóa:**

**3.6.1.** Có 100% xã được trang bị các dụng cụ thể thao ngoài trời; các ấp đều có sân bóng chuyền phục vụ người dân vui chơi, tập luyện và giao lưu thể thao. Toàn huyện có 06 câu lạc bộ đàn ca tài tử, 01 đội văn nghệ quần chúng, 20 đội nhạc ngũ âm, 15 đội múa Sadam, 15 đội văn nghệ Khmer không chuyên, 01 đội tuyển đua ghe ngo huyện và đội ghe ngo của các chùa, 03 đội múa lân, 13 câu lạc bộ dưỡng sinh, 11 đội bóng đá, 12 đội bóng chuyền... cơ bản đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân; thường xuyên giao lưu, thi đấu thể thao, đạt nhiều thành tích cao. Các ấp đều xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng, quy tắc ứng xử trong cộng đồng dân cư, giữ gìn và phát huy phong tục, tập quán tốt đẹp, đảm bảo an toàn về an ninh trật tự. Mỗi xã có 01 thư viện, bố trí đầy đủ sách, báo, tạp chí, máy vi tính kết nối internet phục vụ nhu cầu đọc, bình quân 6.500 lượt/năm.

**3.6.2.** Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả. Địa bàn huyện có 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia; 05 di tích cấp tỉnh đã được công nhận. Huyện có 22 di tích được đưa vào danh sách lập hồ sơ khoa học theo Quyết định số 135/QĐ-UBND, ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2021.

Tiếp tục củng cố, nâng chất các câu lạc bộ đờn ca tài tử; lập hồ sơ khoa học Lễ hội Vu lan Thắng hội trình Bộ Văn hóa Thể thao, Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Đề xuất sửa chữa, nâng cấp 02 di tích lịch sử cấp tỉnh (chùa Ô Mịch, chùa Tà Ôt, xã Châu Điền); xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn và quảng bá trên Trang thông tin điện tử huyện, xã.

**3.6.3.** Các xã triển khai, thực hiện tốt phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; vận động nhân dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới và bình xét, công nhận đạt chuẩn “*gia đình văn hóa, nông thôn mới*” từ 95% trở lên. Hàng năm, UBND huyện xét và công nhận 61/61 ấp đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới; có 28.310/29.346 hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới, đạt 96,5% so tổng hộ đăng ký; mỗi xã xét khen thưởng 15%/tổng hộ gia đình văn hóa theo quy định về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “*gia đình văn hóa*”, “*ấp văn hóa*”.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.7 Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

- Năm 2020: Có 10/10 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn xã nông thôn mới, với 09 chợ, trong đó có 08 chợ xã và 01 chợ huyện đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương, đảm bảo đầy đủ các công trình phụ trợ và đáp ứng yêu cầu mua bán của nhân dân.

- Năm 2023: Địa bàn các xã có 09 chợ, trong đó có 01 chợ hạng 2 do doanh nghiệp quản lý (chợ Trà Diêu, xã Ninh Thới), 08 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý. Các chợ có nhà vệ sinh công cộng, hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo khô thoáng; có bố trí nơi để xe và bố trí người giữ xe, đảm bảo an toàn; có bố trí bình chữa cháy trong khu vực chợ, quyết định thành lập ban quản lý chợ; phương án bố trí, sắp xếp các ngành hàng và Quyết định phê duyệt Nội quy chợ, được niêm yết công khai đúng quy định. Bố trí cân đối chứng tại chợ để người dân kiểm tra hàng hóa. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều đúng quy định, đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm; có ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải đảm bảo việc xử lý rác thải và vệ sinh môi trường. Riêng xã Châu Điền và Hòa Tân không có chợ do gấn chợ huyện.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.8. Về thông tin và truyền thông**

**3.8.1.** Các xã đều có điểm phục vụ bưu chính có cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ trong các khâu quản lý, kinh doanh. Lực lượng lao động được trẻ hóa,

năng động, đảm bảo việc tiếp nhận bưu gửi kịp thời và đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tốt nhất theo nhu cầu tổ chức, cá nhân.

**3.8.2.** Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt 82,75% (66.510/80.365 người thuê bao).

**3.8.3.** Các xã đều có trạm truyền thanh, 61/61 ấp có hệ thống loa hoạt động tốt (138 cụm loa, với 276 loa, tăng 44 loa so năm 2020), cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tin tức trên phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, các hộ gia đình thu, xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mặt đất... Các xã có điểm cung cấp xuất bản phẩm, tư sách pháp luật của đoàn thể và thư viện xã đáp ứng nhu cầu của người dân.

**3.8.4.** Hiện tại các xã có 04 phần mềm ứng dụng: Hệ thống quản lý văn bản điều hành (Ioffice); hệ thống một cửa điện tử (iGate); hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước ([mail@travinh.gov.vn](mailto:mail@travinh.gov.vn)); trang thông tin điện tử; đủ điều kiện giải quyết hồ sơ trực tuyến so với quy định. Thực hiện tốt việc phối hợp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho công chức chuyên môn. Các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của xã được giới thiệu trên trang thông tin điện tử cấp xã, các trang Zalo, các nền thương mại điện tử như Sendo, Lazada, Shopee.

**3.8.5.** Khu hành chính Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa xã, trạm y tế xã, các trường học, các điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí, nhà văn hóa ấp... đều có mạng wifi miễn phí, đảm bảo phục vụ nhu cầu sử dụng cho người dân. Mạng wifi trên địa bàn xã đáp ứng chất lượng dịch vụ, điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo quy định. So năm 2020, hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng của Nhân dân, giảm được chi phí đi lại, công lao động, tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin, hiệu quả và cập nhật nhanh.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.9 Về nhà ở dân cư**

- Năm 2020: Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư xã nông thôn mới theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2016 - 2020. Địa bàn các xã có 25.685/28.501 căn nhà đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 90,1%.

- Năm 2023: Thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng số 109 căn được hỗ trợ đảm bảo 03 cứng; hỗ trợ nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của

UBND tỉnh, tổng số 116 căn (*sửa chữa 62 căn, xây dựng mới 54 căn*), vận động mạnh thường quân xây dựng nhà đồng đội, nhà đại đoàn kết đảm bảo 03 cứng kết hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Địa bàn 10 xã không còn nhà tạm, có 28.203/29.346 nhà đạt chuẩn Bộ xây dựng, chiếm 96,1%, tăng 5,99% so năm 2020.

**\* Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 9 Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.10. Về thu nhập**

- Năm 2020, ảnh hưởng đại dịch Covid-19, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, sản xuất và tiêu thụ không đảm bảo. Đến năm 2022, 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản phát triển ổn định; đồng thời việc xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao đã tiếp sức cho kinh tế của huyện phát triển khá nhanh.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung thực hiện tốt việc tiếp cận chính sách, học tập kinh nghiệm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa, mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có trên 80% diện tích cây trồng sử dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất; nhân rộng nhiều mô hình sản xuất hiệu quả; sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao; cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như: cam sành, sầu riêng, măng cụt, bưởi da xanh, chôm chôm, dứa sáp,... từ đó góp phần quan trọng tăng thu nhập cho người dân. Thực hiện xây dựng mỗi xã, thị trấn một sản phẩm chủ lực, đến nay có 33 sản phẩm OCOP đã được công nhận, trong đó có 21 sản phẩm 03 sao, 08 sản phẩm 04 sao, 03 sản phẩm tiềm năng 05 sao, 01 sản phẩm 05 sao, xác lập kỷ lục Việt Nam về sản phẩm dứa sáp. Đồng thời thực hiện, công nhận đạt chuẩn VietGAP trong lĩnh vực cây ăn trái như chôm chôm, cam sành, bưởi, dứa...

- Lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ: Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập; chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Tuyên truyền, vận động phát triển mới 112 doanh nghiệp, nâng 178 doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho trên 9.200 lao động. Riêng năm 2023, hoạt động sản xuất, kinh doanh cá thể có khá nhiều thuận lợi; hệ thống giao thông ngày càng hoàn thiện, nhiều hộ đầu tư mua sắm phương tiện dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hoá; nhiều điểm tham quan du lịch sinh thái gắn với du lịch tâm linh đi vào hoạt động hiệu quả; tổ chức lễ Vu lan thắng hội gắn với Hội chợ Thương mại, ẩm thực, trái cây ngon và du lịch cấp huyện... đã góp phần quan trọng đưa thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. Thực hiện Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT, ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố các chỉ

tiêu về hợp tác xã và khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp, tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; kết quả rà soát năm 2023 các xã có thu nhập bình quân từ 68,6 đến 76,5 triệu đồng/người/năm, tăng từ 09 đến 16,5 triệu đồng/người/năm so năm 2020.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.11. Về nghèo đa chiều**

Thực hiện phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện đã đạt nhiều kết quả thiết thực, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; tranh thủ nguồn lực, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tăng cường công tác truyền thông, đặc biệt là thông qua mô hình “*Đồng hành cùng người nghèo*” được cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở thực hiện trong nhiều năm đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác giảm nghèo; phát triển kinh tế phải gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Năm 2023, huyện còn 212 hộ nghèo, tỷ lệ 0,69%, giảm 0,85% so năm 2020. Đối với các xã đều có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dưới 2,5%, đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.12. Về lao động**

**3.12.1** Thực hiện các chương trình, dự án về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt nhiều kết quả quan trọng; nhiều lao động nông thôn đăng ký học nghề để có kiến thức trong sản xuất, tăng thu nhập gia đình và đi làm tại các công ty, xí nghiệp; nhiều người lao động đăng ký các lớp nghề ngắn hạn để nâng cao tay nghề đang làm. Tổng số có 76.074 người trong độ tuổi lao động, trong đó có 57.600 lao động qua đào tạo, đạt tỷ lệ 75,72% (tăng 5,14% so năm 2020).

**3.12.2** Thực hiện tốt công tác liên kết, tư vấn và giới thiệu việc làm cho lao động ở địa phương đến làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài huyện, xuất khẩu lao động. Các xã đã phối hợp mở 50 lớp, có 1.479 người tham gia; đến nay có 34.625 lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, đạt tỷ lệ 45,51% (tăng 2,04% so năm 2020).

**3.12.3.** Các xã đều có mô hình phát triển kinh tế riêng nhưng thế mạnh vẫn là kinh tế vườn; huyện đã tập trung chỉ đạo hình thành các vùng chuyên canh cây

ăn trái theo hướng an toàn sinh học gắn với du lịch sinh thái. Từ các mô hình hiệu quả cao đã thu hút được nhiều lao động tham gia, nâng tỷ lệ người lao động trong độ tuổi làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực của từng xã đạt từ 75% trở lên.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

**3.13.1.** Địa bàn các xã có 15 hợp tác xã đang hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, trong đó có 14 hợp tác xã nông nghiệp với 569 thành viên, vốn điều lệ 3,37 tỷ đồng. 100% xã có hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, nhiều tiến bộ kỹ thuật được chuyên giao, ứng dụng trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Một số hợp tác xã sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực liên kết với doanh nghiệp từ nguồn đầu vào đến bao tiêu sản phẩm đầu ra theo hợp đồng như các Hợp tác xã nông nghiệp Việt Thành, Đạt Thịnh, Phong Thạnh, Thông Hòa. Một số hợp tác xã có sản phẩm đặc trưng, thế mạnh, tiềm năng được tham gia chương trình OCOP, được hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện sản phẩm đáp ứng yêu cầu đối với sản phẩm OCOP như hợp tác xã Dừa sáp, các hợp tác xã nông nghiệp Ninh Thới, Tam Ngãi, Tân Quy, Thông Hòa, Thạnh Phú... Qua đánh giá, hầu hết các hợp tác xã đều có doanh thu, lợi nhuận như: Hợp tác xã Việt Thành doanh thu bình quân hàng năm từ 1,5 tỷ đến 03 tỷ đồng, lợi nhuận từ 50 đến 100 triệu đồng; Hợp tác xã Tân Quy doanh thu bình quân hàng năm từ 500 triệu đến 01 tỷ đồng, lợi nhuận từ 30 đến 60 triệu đồng; thu nhập bình quân của lao động trong hợp tác xã từ 3,2 triệu đồng đến 06 triệu đồng/tháng. Đối với thành viên hợp tác xã, lợi nhuận được chia không cao nhưng đã hỗ trợ thiết thực trong việc giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm; góp phần ổn định đầu ra cho sản phẩm hàng hóa, giúp thành viên tiết kiệm được thời gian để tự tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

**3.13.2.** Địa bàn các xã có 33 sản phẩm OCOP được công nhận, với 22 chủ thể tham gia, cụ thể: 21 sản phẩm 03 sao (*Củ cải muối Chịt Sa; bưởi da xanh Ninh Thới; Khô ếch Minh Nhựt; bún sạch Tam Ngãi; măng cụt Tân Quy; cam sành; mít chuối tá quạ; chuối tá quạ tươi; thủ công mỹ nghệ Sa Rurone; thủ công mỹ nghệ Thạch Su; lươn phi lê Thiện Nhân; xoài cát chu; trái chôm chôm tươi; chả ốc brou; rượu bưởi; me hạt dẻo Tuyết Ngọc, cacao cà phê, mứt chay Ngọc Thảo, Kim chi Ngọc Thảo, mứt dừa sữa dẻo, nhãn xuống*); 08 sản phẩm 04 sao (*Dừa sáp Hòa Tân; dừa sáp Bảo Châu; kẹo chuối gân; dừa sáp sấy giòn tan; sữa chua dừa sáp; bánh vicosap dừa sáp và khoai lang; bánh vicosap dừa sáp và chuối; bánh vicosap dừa sáp và bí đỏ*); 03 sản phẩm tiềm năng 05 sao (*kẹo dừa sáp nguyên chất; kẹo dừa sáp lá dứa; kẹo dừa sáp cacao*); 01 sản phẩm 05 sao (*Dừa sáp sợi Vicosap*). Trong đó, xã Thạnh Phú có 11 sản phẩm; xã Hòa Ân 05 sản phẩm; xã Ninh Thới 04 sản phẩm;

xã Thông Hòa, An Phú Tân mỗi xã 03 sản phẩm; xã Tam Ngãi, Phong Thạnh mỗi xã 02 sản phẩm; xã Châu Điền, Hòa Tân, Phong Phú mỗi xã có 01 sản phẩm. Đa số các sản phẩm sau khi đạt OCOP được sản xuất với quy mô lớn hơn; thị trường tiêu thụ được mở rộng và được biết đến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các sàn thương mại điện tử...; tăng 24 sản phẩm so với năm 2020.

**3.13.3.** Các xã đều có mô hình ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực hiện mô hình liên kết sản xuất lúa thương phẩm kết hợp sử dụng phân hữu cơ vi sinh ở các xã Phong Phú, Thông Hòa, Phong Thạnh, Châu Điền, Hòa Ân, Hòa Tân; diện tích 556 ha/698 hộ. Thực hiện dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở Châu Điền, Phong Phú, Hòa Ân theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được chuyển giao; các giống mới như OM 6976, OM 4900, OM 6932, OM 5451, OM 6904... được đưa vào sản xuất, góp phần thay đổi tập quán canh tác, nâng cao hiệu quả sản xuất. Ứng dụng rộng rãi quy trình “03 giảm, 03 tăng”, “01 phải, 05 giảm”, bón phân cân đối theo bảng so màu lá, quản lý dịch bệnh tổng hợp (IPM), cơ giới hóa thu hoạch và xử lý sau thu hoạch...; có 90% diện tích sản xuất lúa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới; doanh thu từ trồng lúa 167,3 triệu đồng/ha/năm, tăng 49,5 triệu đồng/ha/năm so năm 2020. Phối hợp Tập đoàn Lộc Trời hỗ trợ, cung cấp lúa giống Lộc Trời 2, OM 5451, OM 18; đầu tư toàn bộ vật tư đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với giá gốc và các dịch vụ từ khâu làm đất đến thu hoạch (*dịch vụ phun thuốc bằng máy bay*); cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất; cuối vụ thu mua sản lượng lúa tham gia mô hình với giá thỏa thuận; lợi nhuận mô hình cao hơn bên ngoài từ 3,5 - 4,5 triệu đồng/ha.

Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang trồng các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, diện tích 2.004 ha; cải tạo vườn kém hiệu quả 1.419 ha. Từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa, chuyên canh cây ăn trái an toàn, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu ở các xã An Phú Tân, Hòa Tân, Ninh Thới, Tam Ngãi, Thạnh Phú và một phần xã Thông Hòa. Doanh thu từ vườn cây ăn trái 350 triệu đồng/ha/năm, tăng 157,2 triệu đồng/ha/năm so năm 2020. Về chăn nuôi có chuyển biến tích cực, nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao như chăn nuôi chuồng lạnh xã Phong Phú; trang trại chuồng lạnh xã Tam Ngãi; trang trại vịt xã Ninh Thới,...

**3.13.4.** Sản phẩm chủ lực trên địa bàn các xã đều có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc. Các xã Thông Hòa, Thạnh Phú, Châu Điền thực hiện truy xuất nguồn gốc trên cam sành; Tam Ngãi trên cây mít, chuối tía quả; Hòa Tân trên xoài; Hòa Ân trên dứa sáp; Phong Thạnh trên lúa; Ninh Thới trên nhãn xuống, xoài; Phong Phú trên dứa, bưởi; An Phú Tân trên cây chôm chôm, sầu riêng, măng cụt.

**3.13.5.** Các sản phẩm chủ lực của các xã như: Dứa sáp Hòa Tân tham gia sàn thương mại điện tử PostMart.vn; Củ cải muối Chịt Sa tham gia sàn thương mại

điện tử Voso.vn, Travinhtrade.vn, Sendo.vn; Các sản phẩm của Công ty TNHH Chế biến dừa sáp Cầu Kè (*Dừa sáp sợi Vicosap, kẹo dừa sáp cacao, kẹo dừa sáp nguyên chất, kẹo dừa sáp lá dừa và dừa sáp Bảo Châu; sữa chua dừa sáp; dừa sáp sấy khô giòn tan và kẹo chuối gân*) tham gia sàn thương mại điện tử Shopee.vn, Tiki.vn, Lazada.vn, VietnamPost, App hệ thống Vicosap; Măng cụt Tân Quy, mít chuối tá quạ, xoài cát chu An Lộc tham gia sàn thương mại điện tử Sendo.vn,... với tỷ lệ 20 - 30% (*tăng 11 sản phẩm so năm 2020*), nhiều sản phẩm được khách hàng biết đến và sản lượng bán ra nhiều hơn so phương pháp truyền thống.

**3.13.6.** Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Tổng số có 07 mã vùng trồng nội địa được cấp xác nhận, diện tích 357,6 ha, gồm vùng trồng dừa xã Phong Phú; trồng dừa sáp xã Hòa Ân; vùng trồng cây mít, trồng lúa xã Phong Thạnh; trồng dừa ấp Rạch Nghệ, xã Thông Hòa; vùng trồng dừa xã Tam Ngãi; vùng trồng cam sành xã Thạnh Phú.

**3.13.7.** Thông tin các điểm đến di tích và các điểm du lịch tại địa phương như: chùa Ô Mịch, chùa Tà Ôt, Thánh Tịnh Thanh Long Tràng Võ, Minh Đức Cung, Miếu Bà Chúa Xứ, Cù Lao Tân Quy, Cù lao An Lộc, Khu tưởng niệm nữ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út (Út Tịch)... đều được quảng bá thường xuyên thông qua mục Du lịch trên Trang thông tin điện tử huyện, xã và các trang mạng xã hội chính thống tại địa phương.

**3.13.8.** Địa bàn các xã đều có mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa bảo vệ môi trường. Hầu hết các xã đều xây dựng VietGAP trên cây trồng chủ lực như lúa, cam, xoài, nhãn, dừa,... Cụ thể: Mô hình VietGAP chôm chôm xã An Phú Tân; VietGAP cam sành xã Thông Hòa, xã Thạnh Phú; VietGAP bưởi xã Phong Phú, VietGAP dừa xã Phong Thạnh, VietGAP trên lúa xã Châu Điền, xã Phong Thạnh; VietGAP chuối tá quạ xã Tam Ngãi; VietGAP nhãn xã Ninh Thới; VietGAP dừa sáp xã Hòa Tân, Hòa Ân, VietGAP xoài xã Hòa Tân,...

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.14. Về y tế**

**3.14.1.** Huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, các xã phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền về quyền lợi của người dân khi tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện; tổ chức rà soát để người dân tiếp cận chính sách bảo hiểm y tế trong học sinh, hộ nông nghiệp có mức sống trung bình nhằm đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (*áp dụng đạt cho cả nam và nữ*) đạt  $\geq 95\%$ . Đến nay, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 10 xã 92.198/96.997 người, đạt 95,05%.



**3.14.2.** Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo nền tảng triển khai ứng dụng y tế trong quản lý dữ liệu hồ sơ sức khỏe, quản lý khám điều trị bệnh cho người dân. Thực hiện các Quyết định số 3074/QĐ-BYT ngày 11/11/2022, số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017, số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế; trạm y tế xã thực hiện liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh của người dân sau mỗi lần khám, chữa bệnh lên Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử theo tiêu chuẩn. Tổng số dân được quản lý sức khỏe trên hồ sơ sức khỏe theo Quyết định số 831/QĐ-BYT của Bộ Y tế là 88.909/96.997 người, đạt 91,66%.

**3.14.3.** Các Trạm Y tế xã đều đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Thường xuyên cập nhật kiến thức, phác đồ điều trị mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở. Triển khai ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa qua các phương pháp như: Hội chẩn trực tuyến qua cầu truyền hình, đặt lịch khám chữa bệnh qua ứng dụng điện thoại, tư vấn qua điện thoại, tư vấn qua tổng đài, đăng ký khám chữa bệnh qua kiốt, kê đơn thuốc điện tử, thanh toán dịch vụ khám, chữa bệnh không dùng tiền mặt... Thành lập tổ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa tại Trạm Y tế và Trung tâm Y tế, tổ chức tuyên truyền vận động người dân tham gia cài đặt, sử dụng được thực hiện rộng khắp các xã, đạt  $\geq 40\%$  người dân tham gia và sử dụng ứng dụng theo tiêu chí. Thực hiện tư vấn qua điện thoại, tư vấn qua ứng dụng VTelehealth, kê đơn thuốc điện tử, thanh toán dịch vụ khám chữa bệnh không dùng tiền mặt trên số người tham gia khám chữa bệnh của 10 xã, tổng số 13.596/19.965 người, đạt 68,10%.

**3.14.4.** Sử dụng nền tảng Sổ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế hoặc ứng dụng VneID của Bộ Công an (có tính năng Sổ sức khỏe điện tử). Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử theo tiêu chuẩn tại các Quyết định 3074/QĐ-BYT ngày 11/11/2022, số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017, số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế. Đẩy mạnh truyền thông đến người dân việc cài đặt và sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử để theo dõi sức khỏe cá nhân, thông tin tiêm chủng..., nhằm kết nối thông tin, dữ liệu quản lý khám chữa bệnh, từng bước hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đến nay 10/10 xã đạt tiêu chí, tổng số người dân cài đặt ứng dụng sổ sức khỏe điện tử trên tổng số người tham gia khám chữa bệnh của 10 xã là 26.536/19.965, đạt 132,91%.

**\* Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 14 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.15. Về hành chính công**

**3.15.1.** Các xã có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản hoàn thiện, 100% cán bộ, công chức xã có Chứng chỉ tin học A, B và ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, được trang bị máy vi tính đầy đủ; có sử dụng hệ thống quản lý

văn bản điều hành iOffice, tỷ lệ sử dụng đạt 100%, tỷ lệ trao đổi, gửi nhận văn bản đạt trên 90% (trừ văn bản mật).

- Ứng dụng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (iGate) để tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, trực tuyến và trả kết quả cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, đảm bảo dễ tra cứu hồ sơ, nhanh chóng, tiện lợi, đúng thời gian quy định. UBND các xã đã đưa 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết ra tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

**3.15.2. Cấp xã có 147 thủ tục hành chính thuộc 22 lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Ủy ban nhân dân xã.**

- UBND xã đã công khai, tích hợp 147 thủ tục lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (iGate), đạt 100%; trong đó cung cấp 44 thủ tục hành chính toàn trình (tương đương mức độ 4), 84 thủ tục hành chính một phần (tương đương mức độ 3), 19 thủ tục hành chính còn lại (tương đương mức độ 2), tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận, tra cứu, thực hiện yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến, giảm chi phí, thời gian. Thường xuyên cập nhật, rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình để tích hợp lên cổng dịch vụ công tỉnh, phục vụ cho người dân và tổ chức, doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

- Thực hiện số hóa, lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg, ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 – 2025, Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện đến nay đảm bảo tiến độ theo lộ trình.

**3.15.3. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được công khai, niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Trang Thông tin điện tử; công khai đầy đủ các nội dung, hướng dẫn thực hiện, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.**

- 100% thủ tục hành chính được đưa ra tiếp nhận, giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (iGate).

- Tổng số đã tiếp nhận 163.492 hồ sơ; giải quyết trước hạn 42.243 hồ sơ, đạt 25,83%; giải quyết đúng hạn 121.244 hồ sơ, đạt 74,17%. Tiếp nhận 03 phản ánh, kiến nghị của người dân về quy định, chính sách, thủ tục; kết quả đã giải quyết đúng hạn, đúng quy định và có thông báo trả lời cho người phản ánh, kiến nghị. Trong 03 năm không xảy ra tình trạng khiếu nại về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được đánh giá đạt loại tốt trở lên.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ đạt ở mức độ tốt. Không xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu nại về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.16. Về tiếp cận pháp luật**

**3.16.1.** Các xã đều có 01 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật và 01 mô hình hòa giải ở cơ sở điển hình được cấp có thẩm quyền tặng giấy khen (*theo Quyết định 2965/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND huyện*). Mỗi mô hình hòa giải có 08 thành viên, bao gồm mô hình “*Hòa giải ở cơ sở 3 tốt*” của Tổ hòa giải ấp 3, xã Phong Thạnh; mô hình “*Phát huy vai trò của người có uy tín tham gia hòa giải ở cơ sở*” của Tổ hòa giải ấp Giồng Lớn, xã Hòa Ân; mô hình “*Tổ hòa giải vùng đồng bào dân tộc Khmer*” ấp Ô Tung A, xã Châu Điền; mô hình “*Tổ hòa giải điểm*” ấp Vàm Đình, xã Ninh Thới... Về mô hình phổ biến giáo dục pháp luật có số lượng trung bình 12 thành viên, bao gồm mô hình “*Cựu chiến binh cùng nhân dân tìm hiểu pháp luật*” của Chi hội cựu chiến binh ấp Giồng Dầu, xã Hòa Ân; mô hình “*Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng*” của Chùa Ô Phèn, ấp 2, xã Phong Thạnh được Giám đốc Công an tỉnh tặng giấy khen năm 2022; Công an xã Châu Điền “*Mô hình liên kết 3 giảm 3 giữ*” ấp Châu Hưng và Chi hội nông dân 03 tốt ấp Ô Rôm.... Hiệu quả hoạt động của các mô hình góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của nhân dân, kịp thời hòa giải những mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân, giữ vững an ninh, trật tự xã hội địa phương. Số phiếu lấy ý kiến đánh giá hiệu quả của mô hình đạt 100%.

**3.16.2.** Các Tổ hòa giải trên địa bàn huyện tiếp nhận 143 vụ việc, đưa ra hòa giải 143 vụ việc, hòa giải thành 134/143 việc, tỷ lệ 93,7%.

**3.16.3.** Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, UBND các xã đã giới thiệu 06 đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý cho Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh, đạt 100%.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.17. Về môi trường**

**3.17.1.** Địa bàn 10 xã có 08 chợ xã truyền thống và 01 chợ nông sản, 10 trạm y tế, 01 cơ sở giết mổ tập trung đều có hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, thực hiện quan trắc môi trường và hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý chất thải thông thường, chất thải rắn nguy hại theo quy định.

**3.17.2.** Tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi thủy sản, làng nghề về bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, các cơ sở đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đến nay, địa bàn 10 xã có 747 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi thủy sản thuộc đối tượng đăng ký thủ tục môi trường và thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%. Các cơ sở có gây tác động đến môi trường đều có biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (*nước thải, khí thải, chất thải rắn*) đúng quy định. Các cơ sở nuôi thủy sản chủ yếu với quy mô hộ gia đình, đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi thủy sản, nước thải nuôi thủy sản được xử lý bằng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

**3.17.3.** Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã khoảng 43,6 tấn/ngày ( $96.997 \text{ người} \times 0,45\text{kg/người/ngày} = 43.648 \text{ kg/ngày}$ ). Thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện, hình thức vận hành bằng xe ô tô chuyên dùng 4 tấn, trang bị 01 lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 500 kg/giờ tại bãi rác tập trung ấp Bà My, xã Hoà Ân. Có 7.711 hộ gia đình tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý 9,9 tấn/ngày, bố trí 718 thùng rác trên các trục đường chính và các chợ; có xe thu gom về bãi rác tập trung tần suất 02 ngày/lần. Ngoài ra, rác thải sinh hoạt còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ, với 1.370 thùng, 1.370 hộ (*ương đương khoảng 4.643 người*) xử lý khoảng 2,1 tấn/ngày. Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, chưa có xe thu gom thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ (*hình thức hố rác di động*) trong khuôn viên hộ gia đình với 19.425 hộ ( $67.333 \text{ người}$ ), khối lượng 30,3 tấn/ngày... Tỷ lệ rác sinh hoạt trên địa bàn

được thu gom và xử lý theo quy định, đạt 97,1% (28.506 hộ/29.346 hộ tương đương 42,3 tấn/ngày). Đối với chất thải rắn không nguy hại, chủ yếu phát sinh từ việc xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, được người dân phân loại để bán phế liệu, tỷ lệ 95%.

**3.17.4.** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình tại khu dân cư tập trung được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung đều xây dựng nhà vệ sinh với bể tự hoại 2 ngăn; nước thải tại khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Địa bàn 10 xã nông thôn mới nâng cao có 19.318/29.346 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, tỷ lệ 65,83%.

**3.17.5.** Công tác bảo vệ môi trường được đặc biệt quan tâm; việc tập trung thu gom, xử lý chất thải rắn ở vùng nông thôn được cải thiện. Huyện đã tuyên truyền về ý nghĩa của việc phân loại rác tại nguồn và nguy cơ xảy ra nếu không phân loại để người dân hiểu và thực hiện phân loại rác thường xuyên hơn. 10/10 xã triển khai 65 mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt, có 26.761 hộ thực hiện, đạt 91,2%.

**3.17.6.** Đối với bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường, UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền đến nông dân tổ chức thu gom vào các bể chứa; huyện đã bố trí 300 bể chứa đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền, nhân rộng mô hình bể chứa để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ra đồng ruộng. Tổng khối lượng phát sinh 42,85 tấn/năm; huyện đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV môi trường Đô thị TPHCM thu gom, xử lý. Tất cả các Trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân đều có ký hợp đồng với Bệnh viện đa khoa khu vực xử lý chất thải y tế khi phát sinh, thu gom 3 lần/tuần. Tổng lượng chất thải y tế là 2,4 tấn/năm, đạt 100%.

**3.17.7** Hàng năm, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 41.509,3 ha, sản lượng 585.037 tấn; trong đó lúa 22.240,3 ha, sản lượng phụ phẩm 141.226 tấn được người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, sản xuất nấm và sử dụng biện pháp cày, xới đạt 94%; về cây màu diện tích 10.503 ha, sản lượng phụ phẩm 59.052 tấn được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, đạt 92%; về vườn cây ăn trái diện tích 7.955 ha, sản lượng phụ phẩm 55.544 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, tỷ lệ 91%; về thủy sản thả nuôi diện tích 811 ha, sản lượng phụ phẩm 169 tấn được sử dụng làm phân bón cho cây trồng, đạt 99%; về chăn nuôi tổng đàn 1.198.329 con (heo 60.860 con, bò 23.469 con, gia cầm 1.114.000 con), lượng chất thải 329.215 tấn (có 290.347 tấn được thu

gom, tái sử dụng thành nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường, đạt 90%). Địa bàn xã Châu Điền có 01 doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh lĩnh vực sản xuất phân bón hữu cơ, hàng tháng đưa ra thị trường từ 10 - 20 tấn phân hữu cơ sản xuất từ phụ phẩm chăn nuôi, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hàng năm, khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong sản xuất là 585.206 tấn, trong đó 534.066 tấn được thu gom, xử lý, tái sử dụng, đạt 91,3%.

**3.17.8.** Địa bàn các xã có 78 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm vừa và nhỏ nuôi theo quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh, 100% có hầm ủ biogas xử lý chất thải và cam kết bảo đảm về môi trường. Ngoài ra, có hơn 12.000 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, với 10.500 hộ có hầm ủ biogas, đạt 87,5%.

**3.17.9.** Trên địa bàn 10 xã có 04 nghĩa trang nhân dân, 20 nhà hỏa táng ở các chùa Khmer đảm bảo theo quy định, quy hoạch được duyệt; đối với xã không có quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, người chết được an táng tại đất nhà hoặc hỏa táng tại các diêm chùa Khmer lân cận. Địa bàn các xã không có cơ sở hỏa táng.

**3.17.10.** Việc mai táng tại các xã chủ yếu có hai hình thức là địa táng và hỏa táng, là tập quán từ xa xưa. Số trường hợp địa táng ở nghĩa trang nhân dân, đất nhà chiếm tỷ lệ 29,2% và hỏa táng ở các chùa chiếm tỷ lệ 70,8%, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3.17.11.** Địa bàn 10 xã đều có trồng các loại cây thân gỗ, có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, phòng hộ; tổng diện tích 225,3 ha, trong đó rừng phòng hộ ở tuyến Ninh Thới, Hòa Tân, An Phú Tân (các loại bản diện tích 113,1 ha, xà cừ 14,5 ha, bạch đàn 32,5 ha, dầu 65,2 ha), trồng các loại cây bản địa, hoa giấy, bằng lăng, hoàng yến, cỏ đậu phộng, quỳnh anh, chiều tím... Huyện đã ban hành Quyết định số 2329/QĐ-UBND, ngày 25/8/2023 phê duyệt dự án trồng mới cây xanh, hoa, chiều dài 52,7 km, kinh phí 10,3 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ 2023 - 2025. Cấp xã tổ chức hội thi có 62 tuyến đường hoa, chiều dài 66,4 km, qua hội thi đã tuyên truyền về cảnh quan các tuyến đường huyện, đường xã, liên xã, liên ấp góp phần xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp, nâng cao đời sống tinh thần cho cộng đồng dân cư nông thôn. Tổng diện tích cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn là 475.285 m<sup>2</sup> so dân số 96.997 người, đạt 4,9 m<sup>2</sup>/người.

**3.17.12.** Các xã đã phát động phong trào chống rác thải nhựa, nhiều tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đã có hành động thiết thực, hiệu quả để chống, giảm thiểu rác thải nhựa bằng các biện pháp như thu gom, tái sử dụng, xử lý theo quy định. Trường học và các ngành đoàn thể tự phân loại bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Địa bàn các xã chưa có đơn vị chức năng tái chế chất thải nhựa nên chủ yếu được bán phế liệu để chuyên đến các cơ sở tái chế ở địa phương khác. Ước tính lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 10 xã khoảng 3.300 kg/ngày (0,034% x

96.997 người/ngày = 3.297 kg/ngày). Triển khai 54 mô hình thu gom, xử lý rác thải nhựa tại khu vực dân cư tập trung và 44 điểm trường; lượng rác thải nhựa được thu gom khoảng 387 kg/ngày. Thực hiện nhân rộng việc phân loại rác thải quy mô hộ gia đình với 21.000 hộ dân tham gia (62.727 người), lượng rác thải nhựa được thu gom khoảng 2.133 kg/ngày. Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý 2.520/3.300 kg/ngày, đạt 76,4% lượng chất thải nhựa phát sinh.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.18. Chất lượng môi trường sống**

**3.18.1** Địa bàn các xã có 20 trạm cấp nước tập trung, chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế; có 100% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó hộ sử dụng nước sạch 22.602/29.346 hộ, tỷ lệ 77%.

**3.18.2** UBND các xã phối hợp ngành chức năng huyện, Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh thường xuyên kiểm tra chất lượng nước; kết quả có 20/20 trạm cấp nước đảm bảo chất lượng; cung cấp nước sinh hoạt đạt 77,2 lít/người/ngày đêm.

**3.18.3.** Có 20/20 trạm cấp nước đảm bảo chất lượng, hàng năm đều rà soát, đánh giá, hiện trạng. Có bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa công trình hoạt động kém hiệu quả. Có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

**3.18.4.** Địa bàn 10/10 xã có 14.790 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; hàng năm các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh được tập huấn cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm.

**3.18.5.** Công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn các xã được quan tâm thực hiện tốt. Hàng năm, 10/10 xã đều ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thanh tra, kiểm tra và giám sát việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm...; 10/10 xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

**3.18.6.** Địa bàn các xã có 06 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông - lâm - thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm, tỷ lệ 100%.

**3.18.7.** Các xã có 26.555/29.346 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 03 sạch, đạt 90,5%. Ngoài ra, các xã còn chỉ đạo, thực hiện tốt mô hình “05 không 03 sạch” của chi hội Phụ nữ, Câu lạc bộ môi trường của chi hội Cựu chiến binh.

**3.18.8.** Huyện có 01 bãi rác tại ấp Bà My, xã Hoà Ân; diện tích 8.485,1 m<sup>2</sup> được lấp đặt lò đốt với công suất 500kg/giờ. Sử dụng 4.080,2 m<sup>2</sup> dùng làm khu vực chứa rác với hố chôn lót vải địa kỹ thuật; hạng mục còn lại gồm tường rào, nhà phân loại, sân phơi rác, nhà bao che, nhà kho chứa chất thải nguy hại và nhà kho chứa kính, thủy tinh. Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thực hiện lập các báo cáo quan trắc môi trường, bảo vệ môi trường theo quy định; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 1110/UBND-NN ngày 11/9/2023 đề xuất cấp giấy phép môi trường của bãi rác. Định hướng tới, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành bãi rác, đảm bảo khả năng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, huyện đang thực hiện đầu tư dự án xây dựng công trình "*Nâng cấp, mở rộng bãi rác huyện Cầu Kè*" theo Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 17/7/2023, trong đó dự kiến nâng cấp sân bê tông phơi rác 270 m<sup>2</sup>, nâng cấp sân bê tông trên nền bê tông hiện trạng 371 m<sup>2</sup>, cải tạo nhà bao che lò đốt 290 m<sup>2</sup>, làm mới nền, đặt trạm cân, bốc dỡ khối lượng rác hiện trạng 6.700 m<sup>3</sup>, làm mới rãnh thoát nước 260 m, làm mới đường vào bãi rác 200 m. Huyện hợp đồng với hợp tác xã xây dựng môi trường Trà Vinh quản lý, vận hành lò đốt tại bãi rác tập trung, thường xuyên theo dõi, kiểm tra qua camera giám sát và kiểm tra thực tế tại bãi rác. Có 1/1 bãi chôn lấp hợp vệ sinh, đạt 100%.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

### **3.19. Quốc phòng và an ninh**

**3.19.1.** Ban Chỉ huy Quân sự các xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần theo quy định. Đảng ủy, UBND xã hàng năm đều có ban hành Nghị quyết, Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng lực lượng dân quân đủ biên chế theo Thông tư 77/2020/TT-BQP của Bộ quốc phòng và Đề án số 11/ĐA-UBND của UBND tỉnh; đảm bảo độ tin cậy, chất lượng về chính trị. Có 100% cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã qua đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở và bố trí đúng quy định. Trụ sở, nơi làm việc, trang thiết bị làm việc đạt yêu cầu. Thực hiện công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển sinh, tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân đạt trên 21%; trung đội trưởng dân quân cơ động, ấp đội trưởng, tiểu đội trưởng có 100% là đảng viên. Ban Chỉ huy Quân sự các xã phối hợp thực hiện việc giáo dục chính trị, pháp luật, tập huấn, huấn luyện đúng theo Thông tư 69/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng.

**3.19.2.** Hàng năm, 10/10 xã có ban hành Nghị quyết, Kế hoạch chuyên đề về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Có 10/10 xã ban



hành Kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3, Điều 4 Thông tư số 124/TT-BCA quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Có 15 cơ sở giáo dục, 34 cơ quan, 06 doanh nghiệp và 10 xã đăng ký xây dựng, cuối năm được kiểm tra, công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

- Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật. Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự. Năm 2023, xảy ra 22 vụ phạm tội về trật tự xã hội (*bao gồm cả tội phạm liên quan cờ bạc*), giảm 24,1% so năm 2022. Triệt xóa 63 điểm tệ nạn xã hội, 384 đối tượng, nhiều hơn 04 vụ so năm 2022. Tai nạn giao thông xảy ra 02 vụ, làm chết 02 người, bị thương 02 người, so năm 2022 giảm 01 vụ, 01 người chết. Tình hình cháy, nổ không xảy ra.

- Xây dựng 17 mô hình “*Dân vận khéo*”, nổi bật: Mô hình hỗ trợ người làm lữ; 01 mô hình “*03 giảm, 03 giữ*” được Bộ Công an điển hình tiên tiến và nhân rộng; xây dựng thí điểm trường trung học phổ thông Phong Phú “*Điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”. Có 13 mô hình, với 206 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự; 26 mô hình “*Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy*”; 05 mô hình “*Điểm chữa cháy công cộng*”. Không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm, bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có trường hợp vi phạm pháp luật.

\* **Đánh giá tiêu chí:** Có 10/10 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh.

#### **4. Kết quả thực hiện một số tiêu chí huyện nông thôn mới (có liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân)**

##### **4.1. Về môi trường**

- Huyện hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Trương Đức Huy thu gom rác thải, bố trí 798 thùng rác, tần suất 01 lần/ngày; tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 49,7 tấn/ngày (*rác thải sinh hoạt đô thị 6,1 tấn/ngày; rác thải sinh hoạt nông thôn 43,6 tấn/ngày*) thu gom và xử lý đạt **97,7%**; trong đó: Thu gom rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về xử lý tại bãi rác tập trung (ấp Bà My, xã Hòa Ân), có 10.049 hộ tham gia dịch vụ, khối lượng 16 tấn/ngày; xử lý bằng phương pháp ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ, với 1.520 thùng, 1.520 hộ (*trung bình khoảng 5.152 người*) khoảng 2,3 tấn/ngày; đối với hộ gia đình tại vùng nông thôn, chưa có xe thu gom rác thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ (*hình*

thức hổ rác di động) trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với 19.325 hộ (67.333 người), khối lượng 30,3 tấn/ngày.

- Thực hiện Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án và dự toán kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi rác tập trung huyện, giai đoạn 2023 - 2025. Tổng lượng rác được thu gom về bãi rác huyện khoảng 16 tấn/ngày; xử lý với hình thức đốt bằng 01 lò đốt rác, khối lượng 10 tấn/ngày, chiếm 62,5%; xử lý bằng phương pháp chôn lấp trong khuôn viên bãi rác, khối lượng 06 tấn/ngày, chiếm 37,5%... Đề hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, huyện đã tăng cường tận dụng lượng chất thải để tái sử dụng, tái chế (*làm phân compost...*); xử lý tại hộ gia đình thành phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt tại lò đốt. Hiện nay, khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ khoảng 48,6 tấn/ngày. Bố trí 300 bể chứa vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật, định kỳ 02 lần/năm thu gom xử lý theo quy định. Chất thải y tế hợp đồng với Bệnh viện đa khoa khu vực để thu gom, xử lý định kỳ 3 lần/tuần... Huyện có 61 mô hình phân loại, thu gom rác thải nhựa tại các trường học, chợ và khu tập trung dân cư, khối lượng khoảng 3,1/3,5 tấn/ngày, đạt 87,2%.

- Về quản lý chất lượng nước thải, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND, ngày 21/7/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, quy mô tối thiểu 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Năm 2023 thực hiện giai đoạn 1 (2023 – 2025) triển khai thủ tục đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Các khu hành chính, điểm chùa, tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện đều có bố trí trồng cây xanh tạo không gian xanh mát. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư toàn huyện đạt trên 486.511 m<sup>2</sup>/103.518 người, bình quân đạt 4,7 m<sup>2</sup>/người.

## **4.2. Về chất lượng môi trường sống**

- Huyện chủ động phối hợp Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống đường ống; toàn huyện có 24.546/30.921 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các công trình cấp nước, chiếm 79,38% tổng hộ dân. Hiện nay có 21 công trình cấp nước sạch tập trung, khả năng cấp nước ổn định, phục vụ tốt nhu cầu sử dụng của người dân (*bình quân 81,3 lít/người/ngày đêm*). Đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình cấp nước chuyên môn, năng lực phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của công trình. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100%.

- Thực hiện tốt việc thu gom rác thải, phát quang cây xanh, lắp đặt hệ thống công đảm bảo khả năng thoát nước; khơi thông các tuyến kênh, đoạn sông, rạch phục vụ yêu cầu tưới tiêu của người dân. Huyện đã xây dựng Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các

nguồn nước mặt để quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường và quản lý chất lượng nước thải trong sản xuất nông nghiệp. Các xã, thị trấn đều có tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; tuyên truyền, vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, an toàn giao thông; nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Nếp sống văn minh”, “Chung sức xây dựng nông thôn mới”.... Khuôn viên trụ sở hành chính, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa được chỉnh trang, trồng cây xanh, hoa tạo vẻ mỹ quan, nếp sống văn minh.

- Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm được tăng cường, tổ chức đợt cao điểm trong các ngày lễ, tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Địa bàn huyện có 14.996 cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt 100%, trong đó có 468 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý (81 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành y tế, 387 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý); riêng lĩnh vực nông nghiệp đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã quản lý, hiện các cơ sở đều tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (81 cơ sở được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo quy định). Từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến nay, địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

## **5. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao:**

### **5.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch:**

#### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

5.1.1 Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.

5.1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Năm 2019, hoàn thành quy hoạch vùng huyện, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2504/QĐ-UBND ngày 26/11/2019; tổ chức công bố quy hoạch và niêm yết công khai nơi công cộng, xây dựng các cụm pano để công bố rộng rãi trong dân và tổ chức quản lý, đầu tư theo quy hoạch được duyệt.

Năm 2023, thực hiện tổ chức quản lý, đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch xây dựng vùng và các quy hoạch hiện hành (quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới), hoàn thành lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 cụm Công nghiệp An Phú Tân.  
Cụ thể:

**5.1.1** Huyện có cụm công nghiệp An Phú Tân đã được phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; diện tích 19,96 ha tại Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện và phê duyệt ban hành quy định quản lý theo đồ án tại Quyết định số 465/QĐ-UBND, ngày 21/8/2023.

**5.1.2** Đến nay, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được tập trung đầu tư, nâng cấp, cải tạo như quảng trường, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cây xanh... đáp ứng nhu cầu cho địa phương và đảm bảo theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

## **5.2. Tiêu chí số 2 về giao thông**

### **a) Yêu cầu tiêu chí**

*5.2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

*5.2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can, phòng hộ...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.*

*5.2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.*

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Năm 2020, hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn huyện có 23 tuyến đường liên xã, dài 86,38 km, được cứng hóa 100%; 54 tuyến đường liên ấp, dài 137 km, được cứng hóa 86 km, đạt 62,8%; 397 tuyến đường ngõ xóm, dài 390 km, được cứng hóa 232 km, đạt 59,4% và 12 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 17 km, được thảm nhựa đạt 100% đảm bảo nhân dân đi lại thuận tiện, không còn đường lầy lội vào mùa mưa.

Năm 2023, với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới, hệ thống giao thông tiếp tục được đầu tư phát triển. Toàn huyện có 29 tuyến đường liên xã, dài 105,08 km, được cứng hóa 100% đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp và có các hạng mục cần thiết; 54 tuyến đường liên ấp, dài 137,69 km, cứng hóa 100%, được bảo trì hàng năm và đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp; 432 tuyến đường ngõ xóm, dài 395,03 km, trong đó cứng hóa 361,7 km, đạt 91,56% đảm bảo sáng – xanh – sạch đẹp và 17 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 24,61 km, được thảm nhựa 23,11 km, đạt 93,9%. Nhìn chung, hệ thống giao

thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện so với thời điểm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân, đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa. Cụ thể:

**5.2.1** Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện gồm có: Quốc lộ 54; 02 đường tỉnh, 09 đường huyện, tổng chiều dài trên 95 km, đảm bảo 100% kết nối liên xã, liên vùng và luôn được lập kế hoạch bảo trì hàng năm. Ngoài ra, mạng lưới giao thông đường thủy có sông Hậu, sông Bong Bót, sông Tân Định, kênh Trà Ngòa... và 10 bến khách ngang sông, đáp ứng nhu cầu đi lại và thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa của người dân.

**5.2.2** Huyện có 09 tuyến đường huyện được nhựa hóa, tổng chiều dài 47,8 km, tỷ lệ 100% và đạt chuẩn theo quy hoạch, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (*biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...*) luôn được bảo trì hàng năm. Hệ thống cây xanh, đèn thấp sáng được đầu tư đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.

**5.2.3** Bến xe khách tại trung tâm huyện đã được đầu tư chỉnh trang, sắp xếp lại, bổ sung các trang thiết bị, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

### **5.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai**

#### **a) Yêu cầu tiêu chí**

**5.3.1** Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số.

**5.3.2** Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

**5.3.3** Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ.

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

**5.3.1.** Hàng năm, huyện có xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch nạo vét, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi được giao quản lý, cụ thể:

+ Năm 2022, xây dựng Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 05/11/2021 về thực hiện thủy lợi nội đồng. Kết quả: Thi công nạo vét hoàn thành, đưa vào sử dụng 08 dự án, trong đó nạo vét 53 hạng mục kênh thủy lợi nội đồng, chiều dài 65,5 km, khối lượng 229.317 m<sup>3</sup>, đạt 271% kế hoạch. Gia cố, khắc phục 09 điểm sạt lở bờ bao ở các xã ven sông Hậu, chiều dài 412 m, đạt 100% khối lượng. Thực hiện dự án Kè chống sạt lở khu vực Thị trấn Cầu Kè (theo Quyết định số 1338/QĐ-UBND,

ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh), chiều dài 1,3 km, kinh phí 105 tỷ đồng; đề bao kết hợp đường ven sông Hậu (theo Quyết định số 3813/QĐ-UBND, ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh), chiều dài 17 km, kinh phí 150 tỷ đồng; dự án đề bao Tân Quy, chiều dài 6,5 km, kinh phí 26 tỷ đồng.

+ Năm 2023, ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 26/10/2022 về thực hiện thủy lợi nội đồng. Kết quả đầu tư xây dựng 09 dự án, trong đó 06 dự án nạo vét 33 kênh thủy lợi nội đồng; 03 dự án nâng cấp, sửa chữa bờ bao. Tổng mức đầu tư 6,27 tỷ, đạt 100% kế hoạch, cụ thể: Nạo vét hoàn thành, đưa vào sử dụng 06/06 dự án, với 33 hạng mục kênh, chiều dài 36,6 km, khối lượng 136.133 m<sup>3</sup>. Đầu tư 03 dự án nâng cấp, sửa chữa bờ bao, chiều dài 172 m; 02 dự án gia cố 04 sạt lở, chiều dài 195 m.

+ Trong mùa mưa bão, huyện thực hiện tốt việc kiểm tra thường xuyên, đột xuất các tuyến đề bao xung yếu, phát hiện 23 vị trí sạt lở ở mức độ nguy hiểm, chiều dài 1,5 km, trong đó 08 điểm sạt lở mức độ rất nguy hiểm, chiều dài 447 m, đã kiến nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí, khắc phục xong. Công trình cống Bông Bót - Tân Dinh có lắp đặt thiết bị quan trắc mặn tự động; thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, tổng hợp cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng thủy lợi, báo cáo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp, cập nhật phần mềm theo quy định.

**5.3.2** Có thống kê đầy đủ các vi phạm bảo vệ công trình thủy lợi, nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi; thực hiện được 04 cuộc, xử lý kịp thời, dứt điểm 02 trường hợp vi phạm về xây dựng công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

**5.3.3** Thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, kịp thời kiện toàn khi có thay đổi thành viên. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện là cơ quan theo dõi lĩnh vực phòng, chống thiên tai và là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện. Có quyết định phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban Chỉ huy, phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của từng thành viên. Công chức cấp huyện trực tiếp tham gia phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Hàng năm có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Huyện có xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm được rà soát, cập nhật bổ sung theo quy định của Luật. Có xây dựng bản đồ xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai, bản đồ hiện trạng các công trình thủy lợi; xây dựng đầy đủ phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra; phương án sẵn sàng huy động số

lượng từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được phê duyệt.

- Các quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng, chống thiên tai. 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai,... có hệ thống thu nhận, truyền tải thông tin dự báo, cảnh báo từ huyện đến 100% xã được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

#### **5.4. Tiêu chí số 4 về điện**

**a) Yêu cầu tiêu chí:** Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Năm 2020, huyện có 306,2 km đường dây trung áp; 634,1 km đường dây hạ áp và 565 trạm biến áp, dung lượng 33.355 KVA phục vụ nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân. Toàn huyện có 30.179/30.344 hộ dân sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 99,45% hộ sử dụng điện.

- Thực hiện nâng chất tiêu chí điện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện chỉ đạo ngành chuyên môn tích cực phối hợp, hỗ trợ ngành điện triển khai các dự án, công trình điện. Toàn huyện có 311 km đường dây trung thế; 636,8 km đường dây hạ thế; 754 trạm biến áp, tổng dung lượng 42.476 KVA. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan; thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng. Hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương về hệ thống lưới điện phân phối. Việc đầu tư hệ thống điện trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo nguồn cung cấp điện cho sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội. Hộ sử dụng điện 30.907 hộ/30.921 hộ dân, tỷ lệ 99,95%, trong đó hộ sử dụng điện an toàn 30.858/30.907 hộ sử dụng điện, tỷ lệ 99,84%.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 04 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

#### **5.5. Y tế, văn hóa, giáo dục**

##### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

5.5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ .

5.5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.

5.5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.

5.5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

5.5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

5.5.1. Huyện tập trung chỉ đạo rất quyết liệt công tác tuyên truyền bảo hiểm y tế; rà soát để người dân tiếp cận chính sách bảo hiểm y tế đối với xã an toàn khu, đối tượng học sinh, hộ dân vùng đồng bào dân tộc, hộ nông – lâm - ngư nghiệp có mức sống trung bình... Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 98.394/103.518 người, đạt 95,05%.

5.5.2. Trung tâm Văn hóa huyện được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2020, diện tích 786,62 m<sup>2</sup>, kinh phí 8,6 tỷ đồng, các hạng mục gồm: Trụ sở làm việc 01 trệt, 01 lầu (hội trường với sức chứa 400 chỗ ngồi), sân, đường, hệ thống thoát nước, nhà xe, nhà kho, hàng rào... Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các sự kiện quan trọng của địa phương. Đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm huyện từ năm 2020, diện tích 5.978 m<sup>2</sup>, kinh phí 14,99 tỷ đồng, gồm các hạng mục: sân, đường, bồn hoa, hệ thống thoát nước, nhà mát, giàn lam, hồ bơi + nhà bao che, đèn chiếu sáng, màn hình Led 3 x 5 m; 20 thiết bị thể dục, thể thao, trang thiết bị vui chơi cho trẻ em... Sân vận động huyện với diện tích 9.779 m<sup>2</sup> bao gồm hệ thống thoát nước và hàng rào bảo vệ. Nhà Văn hóa thể thao huyện với diện tích 800 m<sup>2</sup>, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và tập luyện thể dục, thể thao của người dân. Huyện đã bố trí kinh phí để nâng cấp, sửa chữa Nhà Văn hóa thể thao huyện để đáp ứng các điều kiện về thi đấu và đạt theo tiêu chí quy định (hệ thống đèn chiếu sáng, sân thi đấu...), kinh phí 1,1 tỷ đồng.

5.5.3. Toàn huyện có 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia; 05 di tích cấp tỉnh đã được công nhận. Huyện có 22 di tích được đưa vào danh sách lập hồ sơ khoa học theo Quyết định số 135/QĐ-UBND, ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tiếp tục củng cố, nâng chất các câu lạc bộ đờn ca tài tử; lập hồ sơ khoa học Lễ hội Vu lan Thắng hội trình Bộ Văn hóa Thể thao, Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Đề xuất sửa chữa, nâng cấp 02



di tích lịch sử cấp tỉnh (*chùa Ô Mịch, chùa Tà Ôt, xã Châu Diền*); xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn và quảng bá trên Trang thông tin điện tử huyện, xã.

**5.5.4.** Có 3/3 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, tỷ lệ 100%; riêng trường trung học phổ thông Tam Ngãi được đánh giá chuẩn quốc gia mức độ 2.

**5.5.5.** Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên huyện được công nhận kiểm định chất lượng đạt cấp độ 2 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDĐT ngày 23/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 5 về Y tế, văn hóa, giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

## **5.6 Kinh tế:**

### **a) Yêu cầu tiêu chí:**

**5.6.1** Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

**5.6.2.** Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến.

**5.6.3.** Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định.

**5.6.4.** Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả

**5.6.5** Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

**5.6.1** Toàn huyện có 200 doanh nghiệp đang hoạt động đều khắp các xã – thị trấn, diện tích trên 25 ha, tổng vốn đầu tư trên 900 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động; điển hình như: Công ty TNHH thực phẩm An Phước, công ty TNHH Quốc tế ZHUNHAO, công ty Liên Đăng, công ty TNHH Tera Surplus, TNHH Phú Thành, công ty TNHH Vĩ Tú, công ty TNHH Arieo chuyên về may mặc...; ngoài ra còn có nhiều cơ sở may gia công, đan lát quy mô hộ gia đình đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, tăng thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Địa bàn huyện có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, đã đưa vào khai thác nhiều sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái miệt vườn ở các cù lao Tân Quy, An Lộc trên tuyến sông Hậu; du lịch sinh thái cộng đồng (homestay) ở Hòa Ân, Tam Ngãi; du lịch tâm linh với lễ Vu Lan thắng hội đang đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và 47 cơ sở tôn giáo, 45 điểm tín ngưỡng dân gian; du lịch văn hóa, truyền thống với 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (*Minh Đức cung*), 01 di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh (*nhà cổ Cầu Kè*), 04 di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh (*Thanh Long Tràng Võ, chùa Ô Mịch, chùa Tà Ôt, miếu Bà Chúa Xứ*), khu tưởng niệm nữ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út (Út Tịch)... Do đó, trong định hướng phát triển kinh tế, huyện không ưu tiên hình thành cụm công nghiệp tập trung mà chọn hướng phát triển công nghiệp đều khắp ở địa bàn các xã, thị trấn; vừa đảm bảo nâng cao giá trị lĩnh vực sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho người dân; vừa giữ vững môi trường sinh thái, phục vụ yêu cầu phát triển du lịch xanh..., được sự ủng hộ, đồng thuận rất cao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và đông đảo người dân địa phương.

**5.6.2** Huyện có diện tích đất nông nghiệp 19.824,5 ha, trong đó đất trồng lúa 7.835,7 ha, chiếm 39,5%; đất trồng cây ăn quả 8.002 ha, chiếm 40,4%. Thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, huyện xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa thương phẩm, lúa cấy kết hợp sử dụng phân hữu cơ vi sinh ở địa bàn các xã Phong Phú, Thông Hòa, Phong Thạnh, Châu Điền, Hòa Ân và Hòa Tân; diện tích 556 ha, với 698 hộ tham gia, sử dụng giống lúa xác nhận OM5451, OM18. Nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đã được chuyển giao, ứng dụng; các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất (OM 6976, OM 4900, OM 6932, OM 5451, OM 6904); ứng dụng rộng rãi quy trình sản xuất lúa "3 giảm, 3 tăng", "1 phải, 5 giảm", bón phân cân đối theo bảng so màu lá, quản lý dịch bệnh tổng hợp (IPM), cơ giới hóa thu hoạch và xử lý sau thu hoạch. Qua đó, góp phần nâng diện tích sản xuất lúa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trên 90%; năng suất, chất lượng ngày càng tăng.

Thực hiện Quyết định số 2544/QĐ-UBND, ngày 21/9/2023 của UBND huyện phê duyệt kế hoạch mô hình liên kết sản xuất lúa thương phẩm kết hợp sử dụng phân hữu cơ vụ thu đông 2023 tại ấp II, xã Phong Thạnh; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật canh tác kết hợp sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh để giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản phẩm, bảo vệ hệ sinh thái đồng ruộng..., có 25 hộ dân tham gia, diện tích 34,9 ha, kinh phí 954,8 triệu đồng, trong đó nhân dân đối ứng 723 triệu đồng. Thực hiện hợp đồng liên kết đầu ra giữa Công ty TNHH Một thành viên lương thực Vĩnh Lộc với hợp tác xã nông nghiệp Phong Thạnh, diện tích 219,2 ha, giống lúa ML202 EU, sản lượng 1.096 tấn. Thực hiện mô hình vật tư rẻ, chất lượng cao, có 1.019 hộ dân tham gia, diện tích 1.649,7 ha ở các xã Phong Phú, Phong Thạnh, Châu Điền, Hòa Ân. Phối hợp Tập đoàn Lộc Trời hỗ trợ, cung cấp lúa giống Lộc Trời 2, OM 5451, OM 18, đầu tư toàn bộ vật tư đầu vào

như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với giá gốc và các dịch vụ từ khâu làm đất đến thu hoạch (*dịch vụ phun thuốc bằng máy bay*); cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất; cuối vụ thu mua sản lượng lúa tham gia mô hình với giá thoả thuận; lợi nhuận tham gia mô hình cao hơn bên ngoài từ 3,5 - 4,5 triệu đồng/ha.

Thông qua các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và chuyển giao khoa học - kỹ thuật, áp dụng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, xây dựng mã vùng trồng được tăng cường... đã góp phần đưa giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 6.478,7 tỷ đồng, đạt 100,8% Nghị quyết. Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây ăn trái 281,9 ha; cải tạo vườn tạp sang trồng chuyên cây ăn trái 58,7 ha; chuyển đổi sản xuất theo hướng hữu cơ, sản xuất sạch trên một số cây trồng chủ lực như lúa, cam sành, bưởi da xanh, xoài, dứa sáp... tạo sản phẩm chất lượng, có khả năng cạnh tranh trên thị trường và xuất khẩu. Đến nay, huyện có 07 mã vùng trồng nội địa được cấp xác nhận với diện tích 357,6 ha, gồm: vùng trồng dứa xã Phong Phú; trồng dứa sáp xã Hòa Ân; vùng trồng cây mít, lúa xã Phong Thạnh; trồng dứa áp Rạch Nghệ, xã Thông Hòa; vùng trồng dứa xã Tam Ngãi; vùng trồng cam sành xã Thanh Phú.

**5.6.3.** Năm 2020, huyện có 10/10 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn xã nông thôn mới, với 09 chợ, trong đó có 08 chợ xã và 01 chợ huyện đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương (chợ hạng 3), chưa có chợ đạt tiêu chuẩn hạng 2.

- Năm 2023, huyện có 10 chợ, 02 siêu thị, trong đó chợ Cầu Kè do Hợp tác xã quản lý đạt chuẩn chợ hạng 2; phát triển thêm 01 chợ hạng 3 (*chợ Trà Diêu, xã Ninh Thới*), siêu thị Điện máy xanh, siêu thị Bách hóa xanh do doanh nghiệp quản lý và 08 chợ do UBND xã quản lý đạt chuẩn chợ hạng 3. Các chợ có nhà vệ sinh công cộng, hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo khô thoáng; có bố trí nơi để xe và bố trí người giữ xe, đảm bảo an toàn; có bố trí bình chữa cháy trong khu vực chợ; có quyết định thành lập ban quản lý chợ; có phương án bố trí, sắp xếp các ngành hàng và Quyết định phê duyệt nội quy chợ được niêm yết công khai; có bố trí cân đối chứng để người dân kiểm tra. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định, đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm; thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**5.6.4.** Thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/HU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy “*Về lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh đến 2020, định hướng đến 2025*”. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/3/2018 nhằm định hướng sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, phù hợp với quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản phẩm chủ yếu cấp huyện và xã. Mục tiêu chung là tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh sản phẩm; tạo chuyển biến về tư duy, phương thức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa

học, kỹ thuật vào sản xuất, phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, nhân dân trong đầu tư phát triển, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm từ các loại cây, con chủ lực của huyện. Định hướng về trồng trọt phát triển 07 loại cây trồng chủ lực (*lúa, cam, bưởi, xoài, nhãn, chuối, dứa*), về chăn nuôi phát triển 03 loại vật nuôi chủ lực (*heo, bò và gia cầm*), về nuôi trồng thủy sản phát triển 03 mặt hàng chủ lực (*tôm càng xanh, cá tra, cá lóc*). Hàng năm góp phần tăng giá trị sản xuất từ các sản phẩm chủ lực đạt 6.992 tỷ đồng, trong đó nông nghiệp 6.646 tỷ đồng, lâm nghiệp 15,7 tỷ đồng, thủy sản 330,3 tỷ đồng.

Huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm đến năm 2025 (*Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện*) mục tiêu đến năm 2025, phân đầu có ít nhất 15 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 03 sao trở lên, củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng, ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn, phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân đầu ít nhất có 30% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 50% chủ thể OCOP là doanh nghiệp, công ty và hộ kinh doanh. Kết quả: Địa bàn huyện hiện có 38 sản phẩm OCOP được công nhận của 24 chủ thể, cụ thể: 26 sản phẩm 03 sao (*Củ cải muối Chịt Sa; mít dứa sáp Cẩm Hằng; bưởi da xanh Ninh Thới; Khô éch Minh Nhứt; bún sạch Tam Ngãi; măng cụt Tân Qui; cam sành; mít chuối tá quạ; chuối tá quạ tươi; thủ công mỹ nghệ Sa Ruone; thủ công mỹ nghệ Thạch Su; lươn phi lê Thiện Nhân; xoài cát chu; trái chôm chôm tươi; chả ốc brou; rượu bưởi; me hạt dẻo Tuyết Ngọc, cacao cà phê, mắm chay Ngọc Thảo, Kim chi Ngọc Thảo, mít dứa sữa dẻo, nhãn xuống*); 08 sản phẩm 04 sao (*dừa sáp Hòa Tân; dừa sáp Bảo Châu; kẹo chuối gân; dừa sáp sấy giòn tan; sữa chua dừa sáp; bánh vicosap dừa sáp và khoai lang; bánh vicosap dừa sáp và chuối; bánh vicosap dừa sáp và bí đỏ*); 03 sản phẩm tiềm năng 05 sao (*kẹo dừa sáp nguyên chất; kẹo dừa sáp lá dứa; kẹo dừa sáp cacao*); 01 sản phẩm 05 sao (*dừa sáp sọt Vicosap*); trong đó Thạnh Phú 11, Hòa Ân 05, Thị trấn Cầu Kè 05, Ninh Thới 04, xã An Phú Tân, Thông Hòa mỗi xã 03, Tam Ngãi, Phong Thạnh mỗi xã 02, Hòa Tân, Châu Điền, Phong Phú mỗi xã 01 sản phẩm. Đa số các sản phẩm sau khi đạt OCOP được sản xuất với quy mô lớn hơn; thị trường tiêu thụ được mở rộng và được biết đến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các sàn thương mại điện tử,...tăng 29 sản phẩm so với năm 2020.

**5.6.5.** Hình ảnh điểm du lịch của huyện được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Trang du lịch của tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng như Truyền hình Trà Vinh, Truyền hình Vĩnh Long, VTV, trên các trang báo, .... Ủy ban nhân huyện đã phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng 11 Trang Thông tin điện tử cho các xã, thị trấn để quảng bá về phát triển du lịch của địa phương; thành lập trang Web chuyên về du lịch do Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao quản lý, 12 nhóm Zalo nhằm quảng bá các điểm du lịch, sản phẩm đặc sản của địa phương đến du khách trong và ngoài huyện.

*c) Tự đánh giá:* Đạt tiêu chí số 06 về Kinh tế theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **5.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường**

### **a) Yêu cầu tiêu chí**

5.7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định ( $\geq 95\%$ ).

5.7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%).

5.7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường ( $\geq 80\%$ ).

5.7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ( $\geq 70\%$ ).

5.7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp (chỉ tiêu  $\geq 50\%$ ).

5.7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4$  m<sup>2</sup>/người.

5.7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.

5.7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (chỉ tiêu  $\geq 85\%$ ).

### **b) Kết quả thực hiện**

5.7.1. UBND huyện ban hành Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn 2023 - 2025; Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 phê duyệt Phương án và dự toán kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bãi rác tập trung huyện giai đoạn 2023 - 2025; Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 phê duyệt Phương án quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện và triển khai thực hiện đạt yêu cầu. Bố trí 798 thùng rác tại các chợ, trục lộ chính và có 01 xe chuyên dụng do Công ty TNHH Một thành viên Trương Đức Huy thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung tại ấp Bà My, xã Hoà Ân. Tổng lượng rác thải sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại khoảng 49,7 tấn/ngày (rác thải sinh hoạt đô thị 6,1 tấn/ngày; rác thải sinh hoạt nông thôn 43,6 tấn/ngày) được thu gom và xử lý 48,6 tấn, đạt 97,7%, cụ thể: 10.049 hộ/16 tấn thu gom, vận chuyển, xử lý tại lò đốt, chiếm 32,9% (Lò đốt được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 3/12/2019; đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR sinh hoạt (QCVN 61- MT:2016/BTNMT); xử lý bằng biện pháp phù

hợp như hố chôn rác di động hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ là 19.987 hộ/32,6 tấn, chiếm 67,1%.

**5.7.2.** Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 phê duyệt đề án phân loại, thu gom và xử lý chất thải nguy hại giai đoạn 2023 - 2025, kết quả đã thu gom và xử lý 99,7 tấn/năm, đạt 100%, cụ thể:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thương mại dịch vụ của 875 cơ sở khoảng 43,4 tấn/năm, các cơ sở thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ Nguồn phát sinh sản xuất nông nghiệp khoảng 42,8 tấn/năm, huyện bố trí 300 khu vực lưu chứa bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại 11 xã, thị trấn theo Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT; hướng dẫn phân loại tại hộ gia đình để hạn chế tình trạng nông dân thải bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ra đồng ruộng. Phối hợp Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh thu gom, tiêu hủy 01 năm 02 lần theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ người dân: Địa bàn huyện có 30.921 hộ dân, ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 9,6 tấn/năm. Năm 2023, huyện ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên môi trường đô thị TPHCM để thu gom, xử lý theo quy định.

+ Nguồn phát sinh từ lĩnh vực y tế: Huyện có 21 cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 10,6 kg/ngày, tương đương 3,9 tấn/năm, được thu gom và xử lý theo hợp đồng giữa Bệnh viện đa khoa khu vực với Trung tâm Y tế huyện.

**5.7.3.** Hàng năm, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 41.658,2 ha, sản lượng 649.985 tấn. Về cây lúa, diện tích 22.260 ha, sản lượng phụ phẩm 141.351 tấn được người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, sản xuất nấm và sử dụng biện pháp cày, xới, xử lý bằng chế phẩm sinh học đạt 95%. Về cây màu diện tích 10.573 ha, sản lượng phụ phẩm 59.510 tấn được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, đạt 93%. Về vườn cây ăn trái diện tích 8.002 ha, sản lượng phụ phẩm 55.778 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, tỷ lệ 92%. Về thủy sản thả nuôi diện tích 823 ha, sản lượng phụ phẩm 169,5 tấn được sử dụng làm phân bón cho cây trồng, đạt 99%. Về chăn nuôi tổng đàn 1.212.869 con (heo 61.160 con, bò 23.709 con, gia cầm 1.128.000 con), lượng chất thải 332.364 tấn (có 293.438 tấn được thu gom, tái sử dụng thành nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường, đạt 91%); các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi được người dân áp dụng như: hầm biogas chiếm 55,5%, xử lý bằng men sinh học chiếm 11,4%, ủ phân hữu cơ chiếm 33,1% hộ chăn nuôi. Về lâm nghiệp có khoảng 7,2 tấn phụ phẩm được tận dụng làm chất đốt hoặc ủ làm phân bón. Huyện có 01 doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh lĩnh vực sản xuất phân bón hữu cơ, hàng tháng đưa ra thị trường từ 10 - 20 tấn phân hữu cơ sản xuất

từ phụ phẩm chăn nuôi, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hàng năm, khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong sản xuất là 589.181 tấn, trong đó 543.551 tấn được thu gom, xử lý, tái sử dụng, đạt 92,3%.

**5.7.4.** Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác*); huyện đã triển khai 61 mô hình, hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân như: Phương án nâng cao năng lực, bảo vệ môi trường cho 11 xã - thị trấn; tập huấn về tác hại rác thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại rác tại nguồn cho 1.120 hộ (*cấp phát mỗi hộ tập huấn 02 sọt chứa rác sinh hoạt và 110 thùng ủ loại 160 lít*). Hội liên hiệp Phụ nữ huyện xây dựng, nhân rộng 54 mô hình, với 1.098 hộ tham gia phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại 11 xã, thị trấn (*hỗ trợ 1.295 dụng cụ phân loại rác, kinh phí 50,4 triệu đồng*); duy trì 13 tổ tự quản thu gom rác, 279 thành viên; 12 câu lạc bộ nói không với túi nilon, 259 thành viên. Năm 2023, thực hiện Kế hoạch phát triển, nhân rộng mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn ở tại 11 xã - thị trấn, có 660 hộ gia đình tham gia, hỗ trợ 310 thùng ủ rác dung tích 160 lít để chứa rác hữu cơ và 700 sọt rác để chứa rác vô cơ và rác tái chế; tổ chức 19 lớp tập huấn, vận động các cơ quan, đơn vị, trường học, 35 cơ sở tín ngưỡng tôn giáo thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Tổng số hộ tham gia các mô hình là 1.520 hộ; thực hiện 66 mô hình phân loại thu gom rác thải nhựa tại các trường học và khu tập trung dân cư. Qua các năm thực hiện, đến nay không chỉ riêng hộ gia đình được tập huấn thực hiện tốt mà còn nhân rộng; tổng số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn 29.069 hộ/30.921 hộ, đạt 94,01%.

**5.7.5.** Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 1905/QĐ-UBND ngày 21/07/2023 phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải huyện, giai đoạn 2023 - 2026, công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm; dự kiến tháng 9/2026 hoàn thành. Hiện nay, khu vực trung tâm xã, thị trấn đã xây dựng hệ thống công thoát nước đảm bảo không ngập vào mùa mưa, riêng khu vực nông thôn chủ yếu thoát ra các kênh rạch. Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước cho điểm dân cư nông thôn và đô thị tối thiểu  $\geq 80$  lít/ngày/người; lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của huyện là 8.281,44 m<sup>3</sup>/ngày; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải, thì lượng nước thải phát sinh 8.281,44 m<sup>3</sup>/ngày (100% lượng nước cấp). Nước thải phát sinh tại thị trấn Cầu Kè 484,16 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom, đầu nối hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải tại các khu dân cư tập trung ở xã đều có hệ thống tiêu thoát thông thoáng, không có ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung đều xây dựng nhà vệ sinh với bể tự hoại 02 ngăn. Các công trình, dự án có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường

(Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của các Dự án: Gia công mặt hàng giày dép của Công ty TNHH TeraSurplus Việt Nam áp 4, xã Thanh Phú công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Xưởng sản xuất Inox gia dụng chuyên nghiệp áp Ô Tung A, xã Châu Điền công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm; Trung tâm y tế huyện công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm), tổng số có 535 tổ chức và 24.275 hộ gia đình (khoảng 68.529 người) thu gom và xử lý, đạt tỷ lệ 66,2%.

5.7.6. Huyện có khu vực quảng trường kết hợp với sân vận động và khu vực thể dục thể thao rộng trên 02 ha, được bố trí trồng cây xanh, vườn hoa. Các xã, thị trấn đều bố trí khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao cho người dân, xung quanh được trồng các loại hoa, cây xanh. Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế 2,73 ha, xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 29,02 ha, đất bưu chính viễn thông 1,41 ha, đất cơ sở tôn giáo, khu vui chơi giải trí công cộng 0,83 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 9,89 ha, đất cơ sở tín ngưỡng 4,13 ha,... đều được bố trí khu vực trồng cây xanh, trồng hoa, sân chơi phục vụ nhu cầu của người dân. Huyện tập trung trồng các loại cây thân gỗ, đa mục đích, có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, phòng hộ cao, tổng diện tích 225,3 ha, trong đó rừng phòng hộ tuyến Ninh Thới, Hòa Tân, An Phú Tân (các loại bản diện tích 113,1 ha, xà cừ 14,5 ha, bạch đàn 32,5 ha, dầu 65,2 ha), trồng các loại cây bản địa, hoa giấy, bằng lăng, hoàng yến, cỏ đậu phộng, quỳnh anh, chiều tím... có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, mang bản sắc văn hóa địa phương.

Thực hiện Quyết định số 2329/QĐ-UBND, ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự án trồng mới cây xanh, hoa các tuyến, chiều dài 52,7 km, kinh phí 10,3 tỷ đồng; Kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn, trong đó trên địa bàn huyện trồng 50.900 cây phân tán, giai đoạn 2018 - 2023. Chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức Hội thi tuyến đường hoa sáng - xanh - sạch - đẹp; cán bộ, công chức, viên chức ngành huyện (khỏi Đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang) đều tham gia thi đua xây dựng, nâng chất các tuyến đường hoa, tổng chiều dài 66,4 km, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư nông thôn. Tổng diện tích cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm dân cư nông thôn là 486.511 m<sup>2</sup>, so dân số 103.518 người, đạt 4,7 m<sup>2</sup>/người.

5.7.7. Địa bàn huyện không có làng nghề nên không có tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động làng nghề gây ra.

5.7.8. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 phê duyệt Kế hoạch phối hợp xây dựng mô hình thu gom rác thải nhựa trên địa bàn huyện; tổ chức tuyên truyền 20 cuộc, có 510 đại biểu dự, phát 1.000 tờ bướm tuyên truyền tác hại rác thải nhựa; ra mắt 22 ngôi nhà tái chế mô hình “*Vì phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*” thu gom rác thải nhựa tại các



chợ, khu tập trung đông người, khu dân cư; thực hiện 44 mô hình thu gom, xử lý rác thải nhựa tại các trường học, số tiền thu được 100,8 triệu đồng được sử dụng mua sách vở, đồ dùng dạy học cho học sinh nghèo.

Thực hiện Kế hoạch 87/KH-UBND ngày 11/12/2019 “*Phát động phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn huyện*”; đã chỉ đạo cam kết không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, các sản phẩm khó phân hủy trong cán bộ, đảng viên và đưa vào nội dung đánh giá, xếp hạng kết quả hoạt động bảo vệ môi trường của các địa phương; hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần. Khuyến khích xây dựng, thực hiện mô hình kiểu mẫu để nhân rộng, trong đó đang triển khai thực hiện mô hình Cù lao Tân Quy không rác thải nhựa; in và cấp phát 20.000 tờ bướm tuyên truyền trong toàn huyện. Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện là 3,5 tấn/ngày (*rác thải nhựa phát sinh: 0,034% x 103.518 người = 3.519 kg/ngày*); tỷ lệ thu gom, tái sử dụng và tái chế 3,1 tấn/ngày, đạt 87,2%.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 07 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **5.8 Chất lượng môi trường sống**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

5.8.1. *Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.*

5.8.2. *Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ( $\geq 80$  lít).*

5.8.3. *Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ( $\geq 60\%$ ).*

5.8.4. *Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường ( $\geq 01$  mô hình).*

5.8.5. *Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.*

5.8.6. *Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%)*

5.8.7. *Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (100%).*

5.8.8. *Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện (không).*

5.8.9. *Có mô hình xã, ấp thông minh ( $\geq 01$  mô hình).*

## ***b) Kết quả thực hiện***

**5.8.1** Huyện có 21 trạm cấp nước tập trung có chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế; có 30.921/30.921 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%; trong đó sử dụng nước sạch từ các trạm nước tập trung 24.546/30.921 hộ, đạt 79,38% (theo Công văn số 401/TTN ngày 06/10/2023 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh về việc xác nhận tiêu chí 8.1; 8.2; 8.3 bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao và Công văn số 01/TrCN-CK ngày 11/10/2023 của Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè về việc xác nhận số hộ sử dụng nước sạch do Trạm cấp nước cung cấp).

**5.8.2.** Huyện phối hợp Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh, Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè kiểm tra chất lượng nước đảm bảo chất lượng; hàng năm đều rà soát, đánh giá hiện trạng, nhu cầu các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn; tổ chức quản lý, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa công trình hoạt động kém hiệu quả. Công trình cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân 81,3 lít/người/ngày đêm (theo Công văn số 401/TTN ngày 06/10/2023 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh xác nhận tiêu chí 8.1; 8.2; 8.3 bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao và Công văn số 01/TrCN-CK ngày 11/10/2023 của Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè xác nhận số hộ sử dụng nước sạch do Trạm cấp nước cung cấp). Toàn huyện có 20 trạm cấp nước tập trung, cung cấp nước cho người dân 10 xã; trung bình cung cấp 7.677,45 m<sup>3</sup>/ngày, có 22.602/29.346 hộ sử dụng nước sạch, đạt 77,02%, tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân 77,2 lít/người/ngày đêm. Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè cung cấp nước sạch cho 1.944 hộ, trong đó có 1.575/1.575 hộ dân trên địa bàn thị trấn, đạt 100% và cung cấp nước sạch cho 369 hộ dân thuộc các xã lân cận, trung bình cung cấp 1.100 m<sup>3</sup>/ngày, tỷ lệ cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân 128,6 lít/người/ngày đêm.

**5.8.3.** Đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình cấp nước có chuyên môn, năng lực phù hợp yêu cầu kỹ thuật của công trình. Có 21/21 công trình cấp nước tập trung được quản lý, khai thác, hoạt động bền vững, đạt 100% (theo Công văn số 401/TTN ngày 06/10/2023 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh về việc xác nhận tiêu chí 8.1; 8.2; 8.3 bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025).

**5.8.4.** Thực hiện Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường. UBND huyện chỉ đạo các xã làm chủ đầu tư 04 mô hình cải tạo tuyến kênh bị ô nhiễm, chiều dài 106.641 m; đến nay đã cải tạo xong, giúp khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tự làm sạch, góp phần cải tạo chất lượng môi trường nước mặt, đảm bảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp. Cụ thể:

- Năm 2020: Thực hiện mô hình xử lý đoạn kênh ô nhiễm tại khóm 2, thị trấn Cầu Kè, chiều dài 900 m; tuyến kênh cấp hương lộ 29, ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, chiều dài 01 km.

- Năm 2021: Thực hiện mô hình xử lý đoạn kênh cống chào ấp 2, xã Phong Thạnh, chiều dài 1,8 km; đoạn kênh ấp Trà Điều, xã Ninh Thới, chiều dài 785 m.

- Năm 2023: Thực hiện 01 mô hình xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt đoạn kênh T1, ấp 1, xã Thạnh Phú, kinh phí 185,2 triệu đồng.

**5.8.5.** Huyện ban hành và triển khai thực hiện tốt các Kế hoạch về tăng cường bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; về quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, an toàn giao thông; nâng cao chất lượng các phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*, *“Nếp sống văn minh”*, *“Chung sức xây dựng nông thôn mới”*... Vận động người dân cắt tỉa cây xanh, phát quang bụi rậm, đảm bảo tuyến đường thông thoáng, làm hàng rào, cột cờ, đèn thấp sáng... Bố trí thùng rác trên các tuyến đường chính, khu vực đông dân cư và vận động người dân bỏ rác đúng quy định. Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn xã hội hóa, toàn huyện đã xây dựng được các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, chiều dài 3.804 km, trồng 134.955 cây, có hệ thống thoát nước không bị ứ đọng nước vào mùa mưa, trồng cây không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

**5.8.6.** Địa bàn huyện có 14.966 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó có 468 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý (*có 81 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành y tế, 387 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý*); riêng lĩnh vực nông nghiệp đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã quản lý, hiện các cơ sở đều tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (*81 cơ sở được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo quy định*).

**5.8.7.** Toàn huyện có 24 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Hàng năm đều được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

**5.8.8.** Địa bàn huyện có 14.966 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm kịp thời quán triệt và xây dựng các Kế hoạch thực hiện văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về an toàn thực phẩm như: Công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên; tổ chức thành đợt cao điểm trong các ngày lễ, tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Từ khi triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

**5.8.9.** Tập trung xây dựng ấp Tân Quy 1 đạt tiêu chí ấp thông minh, với một số tiêu chí nổi bật: Ứng dụng công nghệ tưới tự động, tiết kiệm điện, nước, thời gian và chi phí nhân công. Sử dụng giống mới có năng suất cao. Sử dụng phân bón hữu cơ thay phân hóa học theo tiêu chuẩn VietGAP. Cơ giới hóa trên 90% các khâu sản xuất nông nghiệp. Có 1.296/1.578 người dân sử dụng thiết bị điện tử thông minh, tiếp cận nhanh với thông tin thị trường và kỹ thuật mới. Có trên 90% hộ dân thanh toán tiền điện bằng phương thức chuyển khoản, không sử dụng tiền mặt. Hợp tác xã Tân Quy hoạt động ngày càng hiệu quả; đã khai thác, sử dụng tốt các phần mềm kế toán, xuất hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh. Xây dựng được 02 sản phẩm OCOP 03 sao; chủ động quảng bá sản phẩm, ký kết hợp đồng thương mại thông qua sàn thương mại điện tử Sendo, mạng xã hội Zalo, Facebook... để tạo đầu ra bền vững cho sản phẩm.

- Thực hiện mô hình xã thông minh tại xã Thạnh Phú theo Hướng dẫn số 3445/BNV-VPĐP, ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn “*V/v hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử*”. Chọn 06 nội dung như sau: (1) Chính quyền điện tử định hướng chính quyền số (2) Hạ tầng số (3) Dịch vụ nông thôn số (4) Kinh tế nông thôn (5) Quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (6) Đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Kết quả:

+ Chính quyền điện tử định hướng chính quyền số: Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công tỉnh đạt 99,28%, phân công 04 công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Có 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống iOffice trong xử lý công việc cơ quan. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính bàn và 04 laptop kết nối internet; sử dụng các phần mềm misa, quản lý hộ tịch, dịch vụ công trực tuyến, đường truyền họp trực tuyến,... Xã có niêm yết công khai đường dây nóng của lãnh đạo Đảng ủy, UBND, công chức bộ phận một cửa. 4/4 ấp có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng, tổ công tác triển khai Đề án 06, mỗi tổ có 05 thành viên, đáp ứng được nhiệm vụ triển khai, hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt, thực hiện các dịch vụ số.

+ Về hạ tầng số: Hạ tầng internet kết nối bao phủ 4/4 ấp, phủ sóng mạng di động 4G/5G của Viettel, Vinaphone, Mobifone,... 100% hộ dân có thành viên được kết nối internet. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng như trung tâm xã, bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả, Trạm y tế, Công an, các điểm trường, nhà văn hoá ấp. Toàn xã có 1.850/1.948 hộ sử dụng thuê bao di động; điện thoại thông minh kết nối mạng Internet chiếm 95%; có 100% cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, lực lượng Công an, quân sự sử dụng điện thoại thông minh kết nối internet. 100% chức danh không chuyên trách ở ấp sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet.

+ Về dịch vụ nông thôn số: Sử dụng 03 ứng dụng thông tin như trang zalo OA của UBND xã, OA công an xã, trang facebook và cuộc sống để chia sẻ thông tin kinh tế - xã hội của xã, tiếp nhận thông tin phản hồi của người dân. Hợp tác xã Nông nghiệp Thanh Phú, Hợp tác xã cây ăn trái đang hoạt động có hiệu quả, trong sản xuất kinh doanh sử dụng phần mềm kế toán, xuất hóa đơn điện tử, các khâu sản xuất được cơ giới hóa,... được cấp mã vùng trồng, giấy chứng nhận VietGap và truy xuất nguồn gốc; các công ty, doanh nghiệp đều thực hiện thanh toán trực tuyến,... Trạm y tế xã quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe 5.938/6.541 người, tỷ lệ 90,8%; số người tham gia sử dụng nền tảng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa 1.320/1.501 người, đạt 87,9%; số người có sổ khám chữa bệnh điện tử 2.485/1.501 người, đạt 165,6%. Các trường đã triển khai, ứng dụng nhiều hệ thống phần mềm như: Kiểm định chất lượng giáo dục; hệ thống quản lý và số hóa minh chứng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; quản lý chế độ chính sách; quản lý tuyển sinh; hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; quản lý bảo hiểm; quản lý quỹ tiền lương; quản trị và lưu trữ hồ sơ điện tử FBOT; quản lý tài sản; quản lý cán bộ; quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào; trang bị đầy đủ máy tính phục vụ công tác dạy và học (*THCS 20 máy vi tính, tiểu học 20 máy, mầm non 05 máy tính*).

+ Về kinh tế nông thôn: Xã có 11 sản phẩm OCOP được công nhận, trong đó 01 sản phẩm đạt 5 sao (*dừa sáp sợi Vicosap*), 03 sản phẩm tiềm năng 05 sao (*Kẹo dừa sáp vị nguyên chất, kẹo dừa sáp vị lá dừa, kẹo dừa sáp vị cacao*), 07 sản phẩm 4 sao (*dừa sáp trái hút chân không, dừa sáp sấy giòn tan, sản phẩm sữa chua dừa sáp Vicosap giòn tan, kẹo chuối gân Vicosap, Bánh vicosap dừa sáp và khoai lang, Bánh vicosap dừa sáp và bí đỏ, Bánh vicosap dừa sáp và chuối*), các sản phẩm OCOP kinh doanh, mua bán qua kênh thương mại điện tử Sendo, Lazada, có trang web riêng và phối hợp với đoàn thể xã đăng tải trên các ứng dụng zalo, facebook,... để giới thiệu và bán hàng.

+ Về quản lý môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu: Xã có 74,4% hộ dân thực hiện phân loại rác tại nguồn; 04 câu lạc bộ “*5 có 3 sạch*”; 01 mô hình ngôi nhà tái chế vì phụ nữ và trẻ em nghèo; mô hình ngôi nhà tái chế của Trường Trung học cơ sở Thanh Phú. Xã có 11 cụm loa không dây và trang thông tin điện tử; kịp thời chuyển tải những thông tin quan trọng đến người dân.

+ Về đảm bảo an ninh, trật tự xã hội: Xã lắp đặt 10 điểm công bố đường dây nóng, số điện thoại của Công an xã trên tuyến tỉnh lộ 911, các tuyến đường đal, kịp thời tiếp nhận và xử lý thông tin tố giác tội phạm của người dân, góp phần quan trọng giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí về 08 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **5.9. An ninh, trật tự, hành chính công**

### **a) Yêu cầu tiêu chí**

5.9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.

5.9.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

### **b) Kết quả thực hiện**

5.9.1. Hàng năm, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đều ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch chuyên đề về lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh trật tự; tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tội phạm về trật tự xã hội được kéo giảm (*năm 2023 xảy ra 21 vụ, so năm 2022 giảm 06 vụ, tỷ lệ giảm 22,2%*); tệ nạn xã hội giảm (*năm 2023 phát hiện 61 vụ, giảm 03 vụ so năm 2022, tỷ lệ giảm 4,6%*); tai nạn giao thông được kéo giảm (*Năm 2023 xảy ra 02 vụ, so năm 2022 giảm 01 vụ, tỷ lệ giảm 33,3%*). Cháy nổ không xảy ra, so năm 2022 không tăng, giảm. Kịp thời nắm tình hình, giải quyết tranh chấp, khiếu kiện từ cơ sở; không để phát sinh khiếu kiện đông người, kéo dài, trái pháp luật trên địa bàn. Người dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; hiện có 13 mô hình tổ tự quản an ninh trật tự, với 213 câu lạc bộ quần chúng tự quản và 1.079 tổ tự quản. Thực hiện tốt Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã theo chỉ đạo của Bộ Công an, toàn huyện có 11/11 xã, thị trấn được bố trí Công an chính quy, số lượng 77 cán bộ, chiến sĩ, đạt 100%.

5.9.2. Triển khai thực hiện 262 thủ tục hành chính trên 47 lĩnh vực thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện.

- Thủ tục được công khai, niêm yết đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả và Trang Thông tin điện tử huyện; công khai đầy đủ các nội dung, hướng dẫn thực hiện, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định.

- 100% thủ tục được công khai, tích hợp lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (iGate), trong đó 42 thủ tục hành chính toàn trình (*ương đương mức độ 4*), 182 thủ tục hành chính một phần (*ương đương mức độ 3*), 38 thủ tục hành chính còn lại (*ương đương mức độ 2*), tạo thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận, tra cứu, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Huyện đã đưa 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (iGate).

- Thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 7/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã; Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo, sắp xếp, bố trí đưa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của ngành dọc (*Công an, Bảo hiểm xã hội*) vào Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 – 2025; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 23/8/2022 để triển khai thực hiện, đến nay vẫn đảm bảo lộ trình đã đề ra, với 40% kết quả giải quyết thủ tục hành chính phát sinh từ ngày 01/8/2022 được số hóa và lưu trữ điện tử, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Huyện đã tiếp nhận 197.286 hồ sơ; giải quyết trước hạn 28.244 hồ sơ, đạt 14,3%; giải quyết đúng hạn 169.041 hồ sơ, đạt 85,7%; tiếp nhận 03 phản ánh kiến nghị của người dân về quy định, chính sách, thủ tục; kết quả đã giải quyết đúng hạn, đúng quy định và có thông báo trả lời cho người phản ánh, kiến nghị; không xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu nại hành vi những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

**c) Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự, hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

\* **Tóm lại:** Huyện Cầu Kè có 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và đạt chuẩn 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt làm được**

- Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện xác định được khâu hạn chế trong tổ chức thực hiện; từ đó đã tập trung chỉ đạo khắc phục, đạt nhiều kết

quả quan trọng. Kinh tế của huyện duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình xây dựng cơ bản; hộ nghèo, cận nghèo giảm mạnh; hạ tầng y tế, giáo dục, thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt cơ bản đáp ứng yêu cầu... Qua xây dựng phong trào đã khơi dậy được tinh thần vượt khó của người dân, mạnh dạn đổi mới trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập, đời sống người dân, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn ngày càng trong sạch vững mạnh.

- Mặc dù xuất phát điểm thấp, từ một huyện nghèo thuần nông, đến nay đã xây dựng thành công 10/10 xã nông thôn mới nâng cao (*có 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu, phê duyệt đề án xây dựng 01 mô hình xã nông thôn mới thông minh*); Thị trấn Cầu Kè đạt chuẩn đô thị văn minh. Các tiêu chí huyện nông thôn mới được nâng chất và giữ vững, hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Nguồn kinh phí để xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao còn ít nên huyện còn bị động trong xây dựng cơ bản, hạ tầng giao thông...

- Chi phí sản xuất đầu vào cao, đầu ra các sản phẩm chủ lực của huyện chưa tương xứng nên từ đó lợi nhuận sau sản xuất tăng không nhiều. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có lúc chưa bền vững.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp chưa toàn diện; tập quán canh tác của nông dân tuy có thay đổi nhưng về căn cơ chưa sâu rộng.

## **3. Nguyên nhân đạt được và hạn chế**

- *Nguyên nhân đạt được*

+ Có sự chỉ đạo trực tiếp và kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự hỗ trợ quyết liệt của các sở, ban, ngành tỉnh; sự năng động, sáng tạo, đoàn kết của tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và sự vào cuộc tích cực của đông đảo người dân.

+ Huyện xác định đúng mặt hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, từ đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp đúng để tập trung chỉ đạo, tạo đột phá, vươn lên.

- *Nguyên nhân hạn chế*

+ Xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới của huyện thấp, bắt đầu từ kinh tế nông nghiệp nhỏ lẻ; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô hộ gia đình; kết cấu hạ tầng còn nhiều khó khăn, không đáp ứng được yêu cầu đầu tư, phát triển.

+ Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; thời tiết, hạn mặn diễn biến bất thường; tình hình dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 kéo dài ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống người dân.



+ Nguồn lực từ ngân sách đầu tư cho xây dựng nông thôn mới còn hạn hẹp, rất khó đáp ứng yêu cầu tiêu chí, trong khi đó nguồn lực trong dân, xã hội hóa ngoài huyện đã được huy động trong thời gian dài, từ khi bắt đầu xây dựng nông thôn mới (năm 2010) đến nay. Nhiều nội dung tiêu chí phải vừa thực hiện vừa chờ văn bản hướng dẫn.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Vấn đề đầu tiên là phải có quyết tâm của cả hệ thống chính trị, từ đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện đến tận chi bộ, ban nhân dân ấp - khóm....; không nói khó, không bàn lùi mà phải tìm giải pháp thực hiện, kiên trì tháo gỡ khó khăn thì sẽ thành công. Phải tranh thủ quyết liệt sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh để đồng bộ cùng với huyện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Phải tạo được sự đồng thuận, thống nhất chung trong toàn Đảng bộ. Muốn vậy, Huyện ủy phải có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới nâng cao; Ủy ban nhân dân huyện phải có kế hoạch cụ thể hóa, giao trách nhiệm, phân công nhiệm vụ, lộ trình thật chi tiết, thật cụ thể cho từng ngành, từng địa phương. Phân tích kỹ tiềm năng, thế mạnh của huyện; chọn việc dễ làm trước để tạo phong trào; việc khó thì có lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ trong từng năm. Hoàn thành tốt thì biểu dương, không hoàn thành thì kiểm điểm, trong đó lưu ý phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu từng cấp, từng ngành, từng địa phương.

- Thực hiện tốt phương châm: Dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý, dân hưởng lợi. Xây dựng nông thôn mới không thể chỉ là việc làm của một cá nhân mà phải là sự nỗ lực chung của toàn xã hội. Nông thôn mới là phải có sự thay đổi tích cực, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội...; khi người dân có cuộc sống sung túc thì đó mới chính là sự thành công của xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao.

### **4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu**

#### **4.1. Mô hình “Trên làm gương mẫu mực – Dưới tích cực làm theo” và “Đồng hành cùng người nghèo”**

Thực hiện mục tiêu phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; đồng bộ với thực hiện các tiêu chí về môi trường, an ninh trật tự, hành chính công, giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân. Từ năm 2021, Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện mô hình: “Trên làm gương mẫu mực – Dưới tích cực làm theo” và “Đồng hành cùng người nghèo” với những phần việc, biểu mẫu rất cụ thể, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Quá trình thực hiện đã xuất hiện những tập thể, cá nhân tiêu biểu với các việc làm gương mẫu, điển hình như: (1)

Thường trực Huyện ủy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và các đồng chí Ủy viên Thường vụ Huyện ủy đều đến trụ sở làm việc trước 07 giờ hàng ngày, hội ý ngắn để định hướng những nội dung trọng tâm cần thực hiện, giúp đẩy nhanh tiến độ công việc chung và nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân. (2) Tất cả các nguồn khen thưởng của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tập thể Đảng bộ huyện (*Huân chương Lao động, Cờ thi đua, Bằng khen...*) đều được sử dụng để chăm sóc, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, đối tượng chính sách. (3) Đảng viên toàn huyện đều cam kết và tích cực tham gia xây dựng hàng rào cây xanh hoặc hàng rào bằng bê tông, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp; xây dựng biogas hoặc chăn nuôi bằng đệm lót sinh học để đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng nhà vệ sinh, hố xí tự hoại, hạn chế ô nhiễm môi trường; trồng hoa, cây cảnh trước sân nhà, động viên 02 hộ dân liền kề trồng hoa, cây cảnh, tạo cảnh quan môi trường khu dân cư. (4) Đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hỗ trợ 1.183 hộ dân cài đặt ứng dụng VssID, VneID, quản lý sức khỏe điện tử, chuẩn hóa thông tin căn cước công dân trên điện thoại thông minh cho 1.183 hộ; hỗ trợ làm đường đal, chiều dài 1,7 km; vệ sinh cảnh quan môi trường trên các tuyến đường, chiều dài 32,5 km; trồng mới 5.950 cây hoa; khai thông dòng chảy các tuyến kênh, chiều dài 2,5 km; hỗ trợ 16 thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. (5) Phát huy vai trò cá nhân người đứng đầu, vận động xã hội hóa xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, cầu, đường giao thông nông thôn và quà hộ nghèo, tổng trị giá 2,49 tỷ đồng. Với mô hình “*Đồng hành cùng người nghèo*”, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nhận hỗ trợ 11 hộ nghèo, Đảng ủy xã - thị trấn nhận hỗ trợ 39 hộ nghèo; qua rà soát có 50/50 hộ đều thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 của huyện còn 0,69%; tổng nguồn lực hỗ trợ 3,43 tỷ đồng, gồm 37 căn nhà, trị giá 1,47 tỷ đồng, các phần quà trị giá 336,9 triệu đồng, vốn sản xuất 1,63 tỷ đồng. Qua đây cho thấy, nội dung, phương thức lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy đã có những chuyển biến quan trọng, thông qua vai trò nêu gương của người đứng đầu, khắc phục nhanh những hạn chế, tồn tại trong hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng; xây dựng những gương tiên tiến, điển hình để nhân rộng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

#### **4.2. Mô hình “*Nghe dân nói - làm dân tin*”**

Thực hiện mục tiêu nâng cao tỷ lệ sự hài lòng của người dân, đồng bộ với nâng chất tiêu chí số 09 về an ninh, trật tự - hành chính công; Ban Thường vụ Huyện ủy đã thống nhất xây dựng mô hình: “*Nghe dân nói – Làm dân tin*” để triển khai, tổ chức thực hiện trong toàn huyện. Mô hình thực hiện vào ngày làm việc đầu tiên của tháng, chia làm 02 buổi và với nhiều hoạt động khác nhau.

+ Buổi sáng tập trung thực hiện các nội dung “*Nghe dân nói*”, gồm: (1) Tổ chức chào cờ tại trụ sở Đảng ủy cấp xã; đánh giá ngắn gọn kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trong tháng; nghe ý kiến đề xuất của cán bộ, công chức. (2) Lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, công chức chuyên môn thực hiện các hoạt động tiếp

dân tại trụ sở ấp – khóm; trực tiếp nghe dân phản ánh ý kiến, trình bày những vấn đề khó khăn, bức xúc... Bộ phận chuyên môn ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung người dân phản ánh theo mẫu biểu, lưu trữ hồ sơ theo quy định. Tổ chức giải quyết ngay tại chỗ những vấn đề thuộc thẩm quyền; tiếp thu những nội dung vượt thẩm quyền hoặc cần thời gian thẩm tra, xác minh; hẹn lịch trả lời cụ thể, rõ ràng với người dân. Tổng số tổ chức được 64 cuộc, có 1.311 người dự, 384 ý kiến, kiến nghị của người dân (*cấp xã 359 ý kiến; cấp huyện 25 ý kiến*), các cơ quan giải quyết xong 376 ý kiến, tỷ lệ 97,92%.

+ Buổi chiều tập trung thực hiện các nội dung "*Làm dân tin*", gồm: (1) Lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã đến tận nhà, thăm hỏi, động viên, tặng 201 quà, trị giá 60,3 triệu đồng cho đối tượng chính sách, người nghèo, người già neo đơn, trẻ em hiếu học có hoàn cảnh khó khăn. (2) Khảo sát, nắm tình hình, tìm hiểu nguyên nhân khó khăn của hộ dân; định hướng giải quyết khó khăn cụ thể của từng hộ; tùy vào hoàn cảnh mà có giải pháp cho phù hợp, trong đó: xây dựng, sửa chữa 02 căn nhà tình thương, 02 nhà vệ sinh, trị giá 57,35 triệu đồng (3) Thực hiện các hoạt động tình nguyện tại nhà hộ dân được đến thăm như: Vệ sinh sân vườn, chuồng trại; trồng hoa tạo cảnh quan; trồng hàng rào xanh; trồng rau, cây ăn trái; hỗ trợ thu hoạch nông sản...; vận động hiến đất, hiến cây làm giao thông nông thôn và dọn dẹp cảnh quan môi trường, chiều dài 23,2 km; ươm 30.000 cây giống..., số tiền 450 triệu đồng. (4) Phối hợp lực lượng vũ trang tổ chức các hoạt động dã ngoại giúp dân như xây dựng đường đal, sửa chữa đường giao thông nông thôn, chiều dài 2,2 km; xây dựng 02 cầu nông thôn; xây dựng 01 tuyến đường hoa, chiều dài 04 km. Riêng đối với các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy tham gia mô hình vào ngày riêng, mục đích nhằm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của cấp xã và sâu sát tình hình, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

### **4.3 Mô hình ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp**

Huyện có 14 hợp tác xã nông nghiệp, cơ bản thực hiện tốt việc liên kết trong sản xuất, có 03 hợp tác xã liên kết theo chuỗi giá trị lúa với Tập đoàn Lộc Trời, diện tích 1.649,7 ha, có 1.019 hộ tham gia. Trên 80% diện tích cây trồng sử dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất và hình thành vùng chuyên canh cây ăn trái an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP (*dừa sáp, xoài cát chu xã Hòa Tân, bưởi da xanh xã Ninh Thới, chôm chôm java xã An Phú Tân, cam sành xã Thạnh Phú*); có 38 sản phẩm OCOP đã được công nhận, trong đó 26 sản phẩm 03 sao, 08 sản phẩm 04 sao, 03 sản phẩm tiềm năng 05 sao và 01 sản phẩm 5 sao, xác lập kỷ lục Việt Nam về sản phẩm dừa sáp. Đa số các sản phẩm sau khi đạt OCOP được sản xuất với quy mô lớn hơn; thị trường tiêu thụ được mở rộng và được biết đến rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các sàn thương mại điện tử,...tăng 29 sản phẩm so với năm 2020.

#### **4.4 Mô hình vệ sinh môi trường, xử lý rác thải của Hội Liên hiệp Phụ nữ**

Thực hiện tiêu chí số 07 về môi trường, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã phát động trong hội viên và cộng đồng dân cư nhiều mô hình về vệ sinh môi trường, xử lý rác thải. Tuyên truyền, hướng dẫn, thành lập 64 mô hình xây dựng gia đình “5 có, 3 sạch”, “5 có, 3 sạch” gắn với phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình, hỗ trợ 1.500 bộ dụng cụ, với 1.232 thành viên. Xây dựng, nhân rộng 54 mô hình, với 1.098 hộ tham gia phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại 11 xã, thị trấn (*hỗ trợ 1.295 dụng cụ phân loại rác, kinh phí 50,4 triệu đồng*); duy trì 13 tổ tự quản thu gom rác, 279 thành viên; 12 câu lạc bộ nói không với túi nilon, 259 thành viên và 05 nhóm cộng đồng bảo vệ môi trường. Xây dựng mô hình “Ngôi nhà tái chế” ở 11 xã, thị trấn, với 113 thành viên để thu gom rác thải nhựa, tạo nguồn kinh phí 100,8 triệu đồng hỗ trợ phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài việc tuyên truyền thông qua các cuộc họp lệ, Hội còn tuyên truyền trực tiếp đến tận hộ dân về cách phân loại và xử lý rác; đa số hội viên và người dân đều đồng tình, cùng tham gia thực hiện; có 13.775 hộ hội viên biết cách phân loại rác, chiếm 85,31% so hộ hội viên toàn huyện.

### **VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.**

#### **1. Quan điểm, mục tiêu**

##### **1.1 Quan điểm**

- Tiếp tục duy trì, phát huy tinh thần tiên công, quyết tâm chung của toàn Đảng bộ; nêu cao vai trò gương mẫu, quyết tâm của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các phong trào. Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải đảm bảo nông thôn phát triển ổn định, nông dân giàu có; chủ thể xây dựng nông thôn mới nâng cao là hộ dân; thực hiện trên phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng dân cư kết hợp với tư vấn của cơ quan chuyên môn, hỗ trợ của chính quyền để duy trì, nâng chất các tiêu chí.

- Tập trung chỉ đạo phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực để tiếp tục đầu tư, phát triển kinh tế; trọng tâm là phát triển du lịch sinh thái gắn với lễ hội, văn hóa truyền thống. Chủ động mời gọi, kết nối với doanh nghiệp đến đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người dân. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng; làm đến đâu hoàn thành dứt điểm đến đó nhằm sớm phát huy hiệu quả các nguồn vốn.

##### **1.2 Mục tiêu:**

Tập trung huy động các nguồn lực nhằm tiếp tục duy trì, nâng chất các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư; tập trung phát triển sản xuất,

chuyên dịch cơ cấu kinh tế; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái; gắn xây dựng nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên, đưa huyện nhà phát triển với tốc độ nhanh và bền vững.

## **2. Chỉ tiêu cụ thể:**

- Giữ vững, nâng chất 10/10 xã và huyện Cầu Kè theo chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Tập trung xây dựng mới các xã nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh.

- Giữ vững, nâng chất tiêu chí đô thị văn minh đối với Thị trấn Cầu Kè.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (*trong đó tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đạt từ 85% trở lên*).

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

### **3.1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về công tác tuyên truyền**

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, nhiệm vụ, phương pháp xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao... Tăng cường tuyên truyền, cổ động trực quan, trực tiếp đến từng hộ dân (*chú trọng nội dung vận động phát triển kinh tế, giảm nghèo, an ninh trật tự, môi trường, ...*); tuyên truyền các mô hình, sáng kiến, điển hình tiên tiến, gương mẫu đi đầu trong xây dựng nông thôn mới để nhân rộng. Phát huy vai trò của đảng viên cơ sở, tổ tự quản, hội viên các đoàn thể, người uy tín, chức sắc, chức việc các tôn giáo trong công tác vận động, tuyên truyền.

- Phát huy đúng mức vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo huyện trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện ở các xã – thị trấn; đảm bảo đúng định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình, nhiệm vụ phân công. Từng thành viên Ban Chỉ đạo phải xây dựng kế hoạch thực hiện, nâng chất các tiêu chí thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách; thường xuyên bám sát cơ sở, chủ động giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc (*không để đến hội nghị sơ, tổng kết mới phản ánh*). Phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, hội viên đoàn thể trong việc tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới...; các đoàn thể, tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục tổ chức tốt phong trào thi đua nhằm huy động sức mạnh của toàn xã hội, quyết tâm duy trì, nâng chất các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

### **3.2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về công tác quy hoạch**

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, bổ sung quy hoạch vừa đảm bảo tính khả thi, vừa phát huy được lợi thế địa phương, phù hợp với quy hoạch tổng thể của huyện.

- Quan tâm công tác quản lý quy hoạch; tăng cường sự giám sát của người dân trong việc thực hiện quy hoạch. Công bố rộng rãi trong nhân dân, triển khai thực hiện đúng quy hoạch; phân tích kỹ tiềm năng, thế mạnh của từng xã để tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, xem đây là nội dung chính, cốt lõi về vật chất, là nội lực để xây dựng nông thôn mới nâng cao.

### **3.3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng kết cấu hạ tầng (giao thông, điện, thủy lợi và phòng, chống thiên tai).**

- Tiếp tục huy động, khai thác có hiệu quả các nguồn lực (*ngân sách, doanh nghiệp, xã hội hóa*) để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đô thị; quá trình thực hiện cần chú ý giải ngân kịp thời nguồn vốn, không để nợ đọng trong xây dựng cơ bản và tránh lãng phí.

- Tăng cường công tác phối hợp, đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và đảm bảo vệ mỹ quan. Tiếp tục mở rộng, phát triển hệ thống cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Quan tâm việc quản lý, bảo trì, vận hành hợp lý các công trình thủy lợi, nhất là hệ thống cống đầu mối. Chủ động xây dựng kế hoạch nạo vét các tuyến kênh thủy lợi nội đồng, phát huy hiệu quả các trạm điều tiết nước, trạm bơm điện phục vụ sản xuất; khuyến khích ứng dụng giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến nguồn nước xả thải. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng chống hạn, mặn và triều cường, đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ.

### **3.4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về y tế, văn hóa, giáo dục:**

- Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu về y tế; tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở y tế; khuyến khích y - bác sĩ về công tác ở tuyến cơ sở nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, điều trị bệnh cho người dân. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo duy trì tỷ lệ trên 95%, hướng tới mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

- Đẩy nhanh phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng, nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc Khmer. Chú trọng nâng chất phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; tăng nhanh số hộ gia đình đạt

chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; khai thác, phát huy hiệu quả các công trình, kiến trúc phục vụ du lịch sinh thái kết hợp lễ hội, văn hóa truyền thống.

- Rà soát, quy hoạch, nâng chất mạng lưới cơ sở giáo dục, trường lớp; sắp xếp hợp lý đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Duy trì và nâng chất công tác phổ cập giáo dục. Quan tâm xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đúng tiến độ, đạt chất lượng; đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất trường học (*đảm bảo cơ sở vật chất đạt mức độ 1, mức độ 2*). Kiên toàn, nâng chất lượng hoạt động Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn. Vận động, thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực làm nông cốt trong phong trào khuyến học khuyến tài, hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo hiếu học.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công. Thường xuyên nắm bắt tình hình, sâu sát cơ sở; phát huy vai trò người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc. Bảo tồn, phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của tôn giáo; động viên chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo sống “*tốt đời, đẹp đạo*” và tích cực tham gia các phong trào từ thiện nhân đạo, xây dựng nông thôn mới.

### **3.5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế.**

- Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao; chú trọng sản xuất theo hướng sạch, an toàn, nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, khuyến khích mô hình trang trại, ứng dụng công nghệ sinh học; xây dựng và nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế; mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, an toàn dịch bệnh; chú trọng vật nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế cao của địa phương. Triển khai, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Phát huy mô hình liên kết sản xuất với tập đoàn Lộc Trời; xây dựng các vùng nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp.

- Duy trì, nâng chất các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện có; khuyến khích mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị, công nghệ; chú trọng phát triển các ngành, nghề có lợi thế cạnh tranh, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động địa phương. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai các dự án trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền, mời gọi doanh nghiệp ngoài địa bàn và vận động phát triển mới doanh nghiệp địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nhất là giao dịch trên sàn điện tử.

- Tiếp tục quy hoạch, mở rộng, khai thác có hiệu quả chợ xã, chợ huyện; phát huy vai trò các chợ đầu mối. Phát triển các ngành nghề thương mại, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phân phối hàng hóa thiết yếu. Tạo điều kiện

thuận lợi về nhân sự, hồ sơ, thủ tục trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, nâng chất tổ hợp tác, hợp tác xã hiện có; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Chú trọng việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm; tiếp cận doanh nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với những sản phẩm OCOP đã được công nhận, đăng ký mới các sản phẩm có thế mạnh của địa phương.

- Khai thác, phát huy đúng mức tiềm năng, thế mạnh về du lịch, nhất là du lịch sinh thái ở các cù lao trên tuyến sông Hậu, du lịch sinh thái cộng đồng (homestay), du lịch sinh thái gắn với lễ hội truyền thống và du lịch tâm linh. Chú trọng tuyên truyền, quảng bá về du lịch Cầu Kè, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp và người dân nhằm phát triển du lịch với quy mô lớn, chất lượng cao, bền vững gắn với bảo vệ môi trường. Phân đấu tăng giá trị dịch vụ du lịch, nhất là du lịch sinh thái gắn với phát triển kinh tế vườn để bù đắp giá trị sản xuất ngành công nghiệp, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của huyện.

- Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện đi vào chiều sâu Nghị quyết số 13-NQ/HU, ngày 04/5/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “*về xuất khẩu lao động năm 2022; định hướng nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2025*”. Quan tâm đúng mức công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu lao động của doanh nghiệp. Hoàn thành chính sách nhà ở, đất ở cho hộ nghèo và đối tượng chính sách, xóa nhà tạm ở nông thôn. Quá trình thực hiện, cần lưu ý khai thác, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, chính sách của Trung ương, của tỉnh... kết hợp với vận động xã hội hóa và nguồn lực trong nhân dân; quyết tâm không để nguồn vốn tồn đọng, phải thu hồi hoặc chuyển nguồn.

### **3.6 Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp và chất lượng môi trường sống.**

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản... Tập trung chỉ đạo các tiêu chí về cảnh quan môi trường, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp; tạo sinh khí mới, đổi mới bộ mặt nông thôn. Cán bộ, đảng viên cần gương mẫu, đi đầu trong thực hiện; vận động đoàn viên, hội viên hưởng ứng nhân rộng mô hình; duy trì phong trào thi đua trong nhân dân theo phương châm “*Lấy hoa thơm lấn dần cỏ dại*”; tự giác xây dựng hàng rào, trồng cây xanh nơi cư trú; vệ sinh đường phố, hoàn thiện các tuyến đường hoa kết hợp đèn đường nông thôn...

- Thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường quản lý, chuyển đổi sử dụng hợp lý và hiệu quả diện tích đất phục vụ cho yêu cầu phát triển. Có kế hoạch kiểm tra, bảo vệ chất lượng nguồn nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.



- Tập trung xử lý tốt vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi; thực hiện đồng bộ các giải pháp để không xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chợ và khu dân cư. Kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường; đảm bảo 100% cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm nhiệm vụ quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản... Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của huyện.

### **3.7. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng hệ thống chính trị; đảm bảo an ninh, trật tự và hành chính công.**

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng; tiếp tục thực hiện đi vào chiều sâu Nghị quyết số 08-NQ/HU, ngày 24/5/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy *"Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên"*; Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 30/9/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy *"Nâng cao tính chiến đấu trong sinh hoạt lệ chi bộ"*; tiêu chí thi đua, chấm điểm đối với Bí thư Đảng ủy xã - thị trấn; mô hình *"Trên làm gương mẫu mực - Dưới tích cực làm theo"*, mô hình *"Nghe dân nói – Làm dân tin"*... nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên; thật sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện địa bàn nông thôn.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; giám sát, phản biện việc thực hiện Nghị quyết. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, xây dựng khối đại đoàn kết trong nông dân, nông thôn; tích cực vận động người dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống. Duy trì việc thực hiện các chương trình phối hợp thống nhất hành động giữa Mặt trận và tổ chức thành viên; tạo thành các phong trào thi đua sôi nổi trong xây dựng nông thôn mới, nhất là việc giảm nghèo, vệ sinh môi trường, hiến cây, hiến đất, đóng góp xây dựng công trình công cộng, giao thông nông thôn, hỗ trợ nhà ở cho hộ khó khăn...

- Quán triệt, thực hiện tốt các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy về quốc phòng - an ninh. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao ý thức cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Tập trung đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Thực hiện các giải pháp kiềm chế và kéo giảm tai nạn giao thông; nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vấn đề bức xúc trong nhân dân, không để tồn đọng, kéo dài. Củng cố, nâng chất phong trào *"Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"*. Chăm lo công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; làm tốt vai trò tham mưu, đề xuất, nòng cốt trong việc

đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội và công tác quốc phòng quân sự địa phương.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và các cơ quan chuyên môn, nhất là trong việc cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4). Nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí người có đủ tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về nông thôn mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh, chỉ đạo và thực hiện, nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn, đôn đốc cơ sở triển khai các nội dung xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tiến độ, đúng định hướng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện... Chủ động nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của các ngành và cơ sở.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020 - 2023 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao sau năm 2023 của huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; xin báo cáo Đoàn công tác của Trung ương, của tỉnh nắm, chỉ đạo.

***Nơi nhận:***

- TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối TW;
- Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Văn phòng Điều phối tỉnh;
- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT (NTM).

**CHỦ TỊCH**

**Trần Phong Ba**